BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TIẾNG VIỆT 2

TẬP MỘT



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
BÙI MẠNH HÙNG – TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Đồng Chủ biên)
ĐỖ HỒNG DƯƠNG – VŨ THỊ THANH HƯƠNG
VŨ THỊ LAN – NGUYỄN THỊ NGỌC MINH – TRẦN KIM PHƯỢNG

TIẾNG VIỆT 2

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ năm)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Kí hiệu dùng trong sách

 Khởi động

 Đọc văn bản

 Trả lời câu hỏi

 Luyện tập theo văn bản đọc

 Luyện từ và câu

 Luyện viết đoạn

 Vận dụng

M: Mẫu

G: Gợi ý

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Việc viết hoa trong sách ***Tiếng Việt 2*** được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư do Chính phủ ban hành ngày 05 tháng 3 năm 2020.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau.

LỜI NÓI ĐẦU

Tiếp nối *Tiếng Việt 1*, sách *Tiếng Việt 2* sẽ giúp các em cảm nhận học tiếng Việt thật là vui. Những bài đọc trong sách mang lại cho các em nhiều hiểu biết và trải nghiệm phong phú về cuộc sống con người và thế giới thiên nhiên. Những nhân vật độc đáo và thú vị, những thông tin hữu ích, những hình ảnh sống động về con người và thiên nhiên chắc hẳn sẽ làm cho các em thích học tiếng Việt và ham mê đọc sách.

Các em được thực hành đọc, viết, nói và nghe để sử dụng tiếng Việt ngày càng tốt hơn. Nhờ đó, các em có điều kiện học tốt các môn học khác. Mong các em thực hiện các hoạt động học tập theo hướng dẫn của thầy cô và tích cực thảo luận với bạn bè về những vấn đề được đặt ra từ các bài học trong sách.

Chúc các em vui học cùng *Tiếng Việt 2*!

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MỤC LỤC

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
		EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY	9
1	Bài 1	**Đọc**: *Tôi là học sinh lớp 2* **Viết**: Chữ hoa A **Nói và nghe**: Những ngày hè của em	10 12 12
	Bài 2	**Đọc**: *Ngày hôm qua đâu rồi?* **Viết**: – Nghe – viết: *Ngày hôm qua đâu rồi?* – Bảng chữ cái **Luyện tập**: – Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; Câu giới thiệu – Viết đoạn văn giới thiệu bản thân **Đọc mở rộng**	13 14 15 16
2	Bài 3	**Đọc**: *Niềm vui của Bi và Bống* **Viết**: Chữ hoa Ă, Â **Nói và nghe**: Kể chuyện *Niềm vui của Bi và Bống*	17 19 19
	Bài 4	**Đọc**: *Làm việc thật là vui* **Viết**: – Nghe – viết: *Làm việc thật là vui* – Bảng chữ cái **Luyện tập**: – Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; Câu nêu hoạt động – Viết đoạn văn kể một việc làm ở nhà **Đọc mở rộng**	20 21 22 23
3	Bài 5	Đọc: *Em có xinh không?* Viết: Chữ hoa B Nói và nghe: Kể chuyện *Em có xinh không?*	24 26 26
	Bài 6	**Đọc**: *Một giờ học* **Viết**: – Nghe – viết: *Một giờ học* – Bảng chữ cái **Luyện tập**: – Từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc điểm – Viết đoạn văn kể việc thường làm **Đọc mở rộng**	27 28 29 30
4	Bài 7	**Đọc**: *Cây xấu hổ* **Viết**: Chữ hoa C **Nói và nghe**: Kể chuyện *Chú đỗ con*	31 33 33

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
	Bài 8	**Đọc**: *Cầu thủ dự bị* **Viết**: – Nghe – viết: *Cầu thủ dự bị* – Viết hoa tên người **Luyện tập**: – Mở rộng vốn từ về hoạt động thể thao, vui chơi; Câu nêu hoạt động – Viết đoạn văn kể về một hoạt động thể thao hoặc trò chơi **Đọc mở rộng**	34 36 36 38
		ĐI HỌC VUI SAO	39
5	Bài 9	**Đọc**: *Cô giáo lớp em* **Viết**: Chữ hoa Đ **Nói và nghe**: Kể chuyện *Cậu bé ham học*	40 41 42
	Bài 10	**Đọc**: *Thời khoá biểu* **Viết**: – Nghe – viết: *Thời khoá biểu* – Phân biệt: *c/k, ch/tr, v/d* **Luyện tập**: – Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; Câu nêu hoạt động – Viết thời gian biểu **Đọc mở rộng**	43 45 46 47
6	Bài 11	**Đọc**: *Cái trống trường em* **Viết**: Chữ hoa D **Nói và nghe**: Ngôi trường của em	48 50 50
	Bài 12	**Đọc**: *Danh sách học sinh* **Viết**: – Nghe – viết: *Cái trống trường em* – Phân biệt: *g/gh, s/x, dấu hỏi/dấu ngã* **Luyện tập**: – Từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm; Câu nêu đặc điểm – Lập danh sách học sinh (tổ) **Đọc mở rộng**	51 52 53 54
7	Bài 13	**Đọc**: *Yêu lắm trường ơi!* **Viết**: Chữ hoa Ê, Ê **Nói và nghe**: Kể chuyện *Bữa ăn trưa*	55 56 57
	Bài 14	**Đọc**: *Em học vẽ* **Viết**: – Nghe – viết: *Em học vẽ.* – Phân biệt: *ng/ngh, r/d/gi, an/ang* **Luyện tập**: – Mở rộng vốn từ chỉ đồ dùng học tập; Dấu chấm, dấu chấm hỏi – Viết đoạn văn giới thiệu một đồ vật **Đọc mở rộng**	58 60 60 62

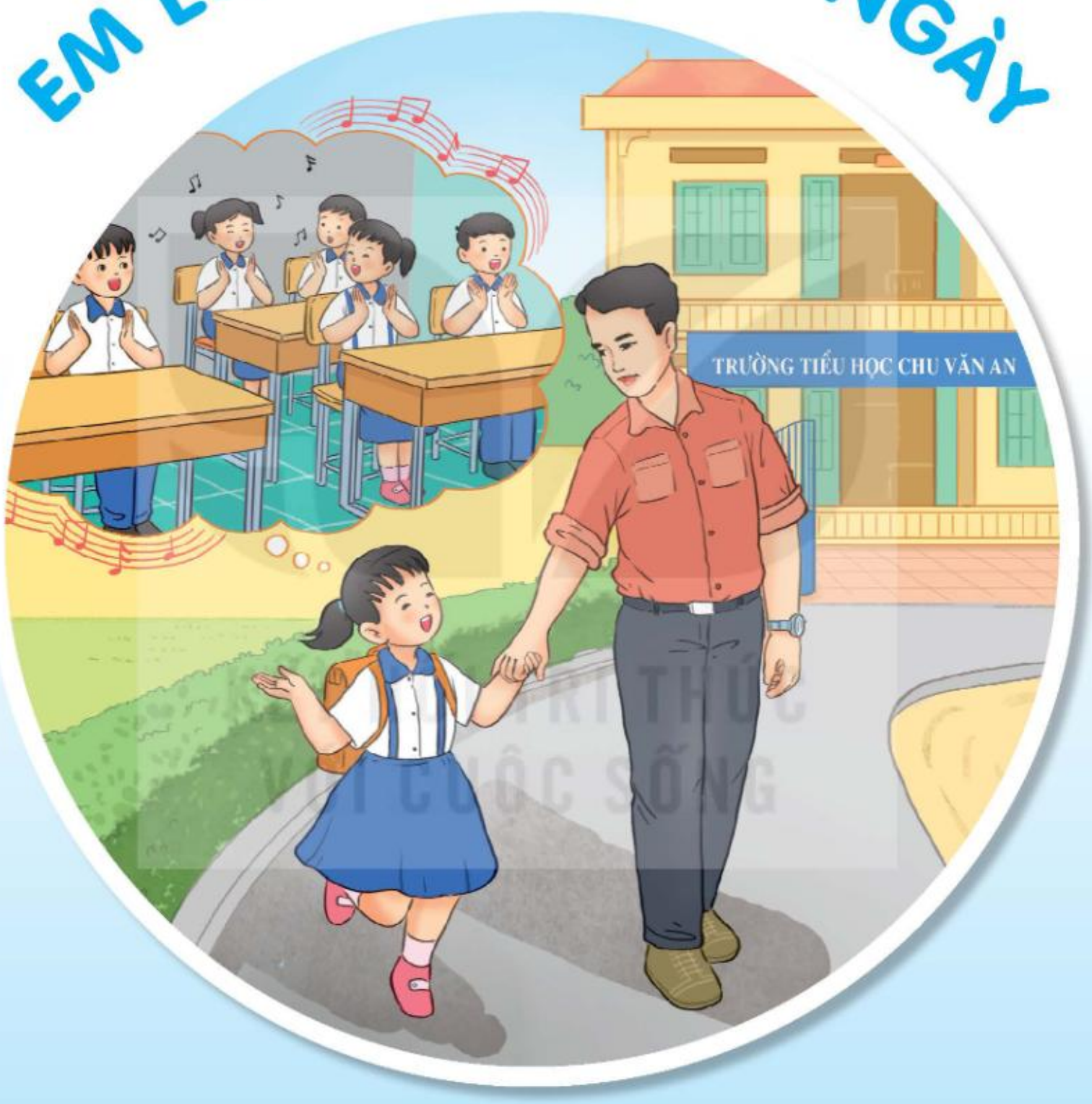
Tuần	Bài	Nội dung	Trang
8	Bài 15	**Đọc**: *Cuốn sách của em* **Viết**: Chữ hoa G **Nói và nghe**: Kể chuyện *Hoạ mi, vẹt và quạ*	63 65 65
	Bài 16	**Đọc**: *Khi trang sách mở ra* **Viết**: – Nghe – viết: *Khi trang sách mở ra* – Viết hoa tên người – Phân biệt: *l/n, ăn/ăng, ân/âng* **Luyện tập**: – Từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc điểm; Dấu chấm, dấu chấm hỏi – Viết đoạn văn tả đồ dùng học tập **Đọc mở rộng**	66 67 68 70
9		**Ôn tập giữa học kì 1**	71
		NIỀM VUI TUỔI THƠ	78
10	Bài 17	**Đọc**: *Gọi bạn* **Viết**: Chữ hoa H **Nói và nghe**: Kể chuyện *Gọi bạn*	79 80 81
	Bài 18	**Đọc**: *Tớ nhớ cậu* **Viết**: – Nghe – viết: *Tớ nhớ cậu* – Phân biệt: *c/k, iêu/ươu, en/eng* **Luyện tập**: – Mở rộng vốn từ về tình cảm bạn bè; Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than – Viết đoạn văn kể về một hoạt động em tham gia cùng bạn **Đọc mở rộng**	82 83 84 85
11	Bài 19	**Đọc**: *Chữ A và những người bạn* **Viết**: Chữ hoa I, K **Nói và nghe**: *Niềm vui của em*	86 87 88
	Bài 20	**Đọc**: *Nhím nâu kết bạn* **Viết**: – Nghe – viết: *Nhím nâu kết bạn* – Phân biệt: *g/gh, iu/ưu, iên/iêng* **Luyện tập**: – Từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động; Câu nêu hoạt động – Viết đoạn văn kể về một giờ ra chơi **Đọc mở rộng**	89 91 91 93

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
12	Bài 21	**Đọc**: *Thả diều* **Viết**: Chữ hoa L **Nói và nghe**: Kể chuyện *Chúng mình là bạn*	94 96 96
	Bài 22	**Đọc**: *Tớ là lê-gô* **Viết**: – Nghe – viết: *Đồ chơi yêu thích* – Phân biệt: *ng/ngh, ch/tr, uôn/uông* **Luyện tập**: – Từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm; Câu nêu đặc điểm – Viết đoạn văn giới thiệu một đồ chơi **Đọc mở rộng**	97 99 99 100
13	Bài 23	**Đọc**: *Rồng rắn lên mây* **Viết**: Chữ hoa M **Nói và nghe**: Kể chuyện *Búp bê biết khóc*	101 102 103
	Bài 24	**Đọc**: *Nặn đồ chơi* **Viết**: – Nghe – viết: *Nặn đồ chơi* – Phân biệt: *d/gi, s/x, uon/uơng* **Luyện tập**: – Mở rộng vốn từ về đồ chơi; Dấu phẩy – Viết đoạn văn tả đồ chơi **Đọc mở rộng**	104 105 106 107
	MÁI ẤM GIA ĐÌNH		108
14	Bài 25	**Đọc**: *Sự tích hoa tỉ muội* **Viết**: Chữ hoa N **Nói và nghe**: Kể chuyện *Hai anh em*	109 111 111
	Bài 26	**Đọc**: *Em mang về yêu thương* **Viết**: – Nghe – viết: *Em mang về yêu thương* – Phân biệt: *iên/yên/uyên, r/d/gi, ai/ay* **Luyện tập**: – Mở rộng vốn từ về gia đình, từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc điểm – Viết đoạn văn kể một việc người thân đã làm cho em **Đọc mở rộng**	112 114 114 115

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
15	Bài 27	**Đọc**: *Mẹ* **Viết**: Chữ hoa Ô **Nói và nghe**: Kể chuyện *Sự tích cây vú sữa*	116 118 118
	Bài 28	**Đọc**: *Trò chơi của bố* **Viết**: – Nghe – viết: *Trò chơi của bố* – Viết hoa tên riêng địa lí – Phân biệt: *l/n, ao/au* **Luyện tập**: – Mở rộng vốn từ về tình cảm gia đình; Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than – Viết đoạn văn thể hiện tình cảm với người thân **Đọc mở rộng**	119 120 121 122
16	Bài 29	**Đọc**: *Cánh cửa nhớ bà* **Viết**: Chữ hoa Ô, Ơ **Nói và nghe**: Kể chuyện *Bà cháu*	123 125 125
	Bài 30	**Đọc**: *Thương ông* **Viết**: – Nghe – viết: *Thương ông* – Phân biệt: *ch/tr, ac/at* **Luyện tập**: – Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; Câu nêu hoạt động – Viết đoạn văn kể về việc đã làm cùng người thân **Đọc mở rộng**	126 127 128 129
17	Bài 31	**Đọc**: *Ánh sáng của yêu thương* **Viết**: Chữ hoa Ơ **Nói và nghe**: Kể chuyện *Ánh sáng của yêu thương*	130 132 132
	Bài 32	**Đọc**: *Chơi chong chóng* **Viết**: – Nghe – viết: *Chơi chong chóng* – Phân biệt: *iu/ưu; ăt/ăc, ât/âc* **Luyện tập**: – Mở rộng vốn từ về tình cảm gia đình; Dấu phẩy – Viết tin nhắn **Đọc mở rộng**	133 134 135 136
18		**Ôn tập và Đánh giá cuối học kì 1**	137

EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY



Tuần 1

Bài 1

TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2

ĐỌC



Em đã chuẩn bị những gì để đón ngày khai trường?



TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2

Ngày khai trường đã đến.

Sáng sớm, mẹ mới gọi một câu mà tôi đã vùng dậy, khác hẳn mọi ngày. Loáng một cái, tôi đã chuẩn bị xong mọi thứ. Bố ngạc nhiên nhìn tôi, còn mẹ cười tủm tỉm. Tôi rối rít: "Con muốn đến sớm nhất lớp.".

Tôi háo hức tưởng tượng ra cảnh mình đến đầu tiên, cất tiếng chào thật to những bạn đến sau. Nhưng vừa đến cổng trường, tôi đã thấy mấy bạn cùng lớp đang ríu rít nói cười ở trong sân. Thì ra, không chỉ mình tôi muốn đến sớm nhất. Tôi chào mẹ, chạy ào vào cùng các bạn.

Chúng tôi tranh nhau kể về chuyện ngày hè. Ngay cạnh chúng tôi, mấy em lớp 1 đang rụt rè níu chặt tay bố mẹ, thật giống tôi năm ngoái. Trước các em, tôi cảm thấy mình lớn bổng lên. Tôi đã là học sinh lớp 2 rồi cơ mà.

(Văn Giá)

Từ ngữ

- *Loáng (một cái)*: rất nhanh.
- *Níu*: nắm lấy và kéo lại, kéo xuống.
- *Lớn bổng*: lớn nhanh, vượt hẳn lên.

1. Những chi tiết nào cho thấy bạn nhỏ rất háo hức đến trường vào ngày khai trường?

   a. vùng dậy b. muốn đến sớm nhất lớp

   c. chuẩn bị rất nhanh d. thấy mình lớn bổng lên

2. Bạn ấy có thực hiện được mong muốn đến sớm nhất lớp không? Vì sao?
3. Bạn ấy nhận ra mình thay đổi như thế nào khi lên lớp 2?
4. Tìm tranh thích hợp với mỗi đoạn trong bài đọc.







1. Từ nào dưới đây nói về các em lớp 1 trong ngày khai trường?

   a. ngạc nhiên b. háo hức c. rụt rè

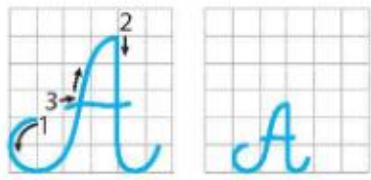
2. Thực hiện các yêu cầu sau:

   a. Nói lời chào tạm biệt mẹ trước khi đến trường.

   b. Nói lời chào thầy, cô giáo khi đến lớp.

   c. Cùng bạn nói và đáp lời chào khi gặp nhau ở trường.

VIẾT

1. Viết chữ hoa: 

2. Viết ứng dụng: Ánh nắng tràn ngập sân trường.

NÓI VÀ NGHE

Những ngày hè của em

1. Kể về điều đáng nhớ nhất trong kì nghỉ hè của em.

G:

– Nghỉ hè, em được đi những đâu?

– Em được tham gia những hoạt động nào?

– Em nhớ nhất điều gì?







2. Em cảm thấy thế nào khi trở lại trường sau kì nghỉ hè?

Viết 2 – 3 câu về những ngày hè của em.

Bài 2

NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI?

ĐỌC

Kể lại những việc em đã làm ngày hôm qua.

NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI?

Em cầm tờ lịch cũ:
– Ngày hôm qua đâu rồi?
Ra ngoài sân hỏi bố
Xoa đầu em, bố cười.

– Ngày hôm qua ở lại
Trên cành hoa trong vườn
Nụ hồng lớn lên mãi
Đợi đến ngày toả hương.

– Ngày hôm qua ở lại
Trong hạt lúa mẹ trồng
Cánh đồng chờ gặt hái
Chín vàng màu ước mong.

– Ngày hôm qua ở lại
Trong vở hồng của con
Con học hành chăm chỉ
Là ngày qua vẫn còn.

(Bế Kiến Quốc)



1. Bạn nhỏ đã hỏi bố điều gì?

2. Theo lời bố, ngày hôm qua ở lại những đâu?

3. Trong khổ thơ cuối, bố đã dặn bạn nhỏ làm gì để "ngày qua vẫn còn"?

* Học thuộc lòng 2 khổ thơ em thích.

1. Dựa vào tranh minh hoạ bài đọc, tìm từ ngữ chỉ người, chỉ vật.

M: – mẹ

– cánh đồng

2. Đặt 2 câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 1.

M: Cánh đồng rộng mênh mông.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Ngày hôm qua đâu rồi?* (2 khổ thơ cuối).

2. Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái.

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
1	a	a
2	ă	á
3		ớ
4	b	bê
5		xê

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
6		dê
7	đ	đê
8		e
9	ê	ê

3. Sắp xếp các chữ cái dưới đây theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái.



LUYỆN TẬP

1. Nhìn tranh, tìm từ ngữ:

a. Chỉ sự vật:

– Chỉ người: *học sinh,...*

– Chỉ vật: *cặp sách,...*

b. Chỉ hoạt động: *đi học,...*



2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu giới thiệu.

A	B
Bạn Hà	là bác sĩ.
Bố em	là Trường Tiểu học Lê Quý Đôn.
Trường em	là học sinh lớp 2A.

3. Đặt một câu giới thiệu theo mẫu ở bài tập 2.

1. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.



a. Bình và Khang gặp nhau và chào nhau ở đâu?

b. Khang đã giới thiệu những gì về mình?

2. Viết 2 – 3 câu tự giới thiệu về bản thân.

G:

– Họ và tên của em là gì?

– Em học lớp nào, trường nào?

– Sở thích của em là gì?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ hoặc câu chuyện viết về thiếu nhi. Nói với các bạn tên bài thơ, câu chuyện và tên tác giả.

2. Đọc một số câu thơ hay cho các bạn nghe.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 2

Bài 3

NIỀM VUI CỦA BI VÀ BỐNG

ĐỌC

1. Bức tranh dưới đây vẽ những gì?
2. Đoán xem hai bạn nhỏ nói gì với nhau.



NIỀM VUI CỦA BI VÀ BỐNG

Khi cơn mưa vừa dứt, hai anh em Bi và Bống chợt thấy cầu vồng.

– Cầu vồng kìa! Em nhìn xem. Đẹp quá!

Bi chỉ lên bầu trời và nói tiếp:

– Anh nghe nói dưới chân cầu vồng có bảy hũ vàng đấy.

Bống hưởng ứng:

– Lát nữa, mình sẽ đi lấy về nhé! Có vàng rồi, em sẽ mua nhiều búp bê và quần áo đẹp.

– Còn anh sẽ mua một con ngựa hồng và một cái ô tô.

Bỗng nhiên, cầu vồng biến mất. Bi cười:

– Em ơi! Anh đùa đấy! Ở đó không có vàng đâu.

Bống vui vẻ:

– Thế ạ? Nếu vậy, em sẽ lấy bút màu để vẽ tặng anh ngựa hồng và ô tô.

– Còn anh sẽ vẽ tặng em nhiều búp bê và quần áo đủ các màu sắc.

Không có bảy hũ vàng dưới chân cầu vồng, hai anh em vẫn cười vui vẻ.

(Theo *108 truyện mẹ kể con nghe*)

Từ ngữ

Hũ: bình sành sứ (thuỷ tinh,...) loại nhỏ, ở giữa phình ra, nhỏ dần về đáy, dùng để đựng.

1. Nếu có bảy hũ vàng, Bi và Bống sẽ làm gì?



2. Không có bảy hũ vàng, hai anh em làm gì?

3. Tìm những câu nói cho thấy hai anh em rất quan tâm và yêu quý nhau.

1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

hũ vàng | Bống | Bi | anh | quần áo | ô tô | búp bê | em

a. Từ ngữ chỉ người

b. Từ ngữ chỉ vật

2. Tìm trong bài những câu cho thấy sự ngạc nhiên của Bi khi nhìn thấy cầu vồng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VIẾT

1. Viết chữ hoa: Ă Ă Â Â

2. Viết ứng dụng: Ăn quả nhớ người trồng cây.

NÓI VÀ NGHE

1. Nói tiếp để hoàn thành câu dưới tranh.

Niềm vui của Bi và Bống



Khi cầu vồng hiện ra,
Bi nói (...).



Có bảy hũ vàng, Bống sẽ (...)
và Bi sẽ (...).



Khi cầu vồng biến mất, (...).



Không có bảy hũ vàng,
hai anh em vẫn (...).

2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.

Kể cho người thân nghe câu chuyện *Niềm vui của Bi và Bống*.

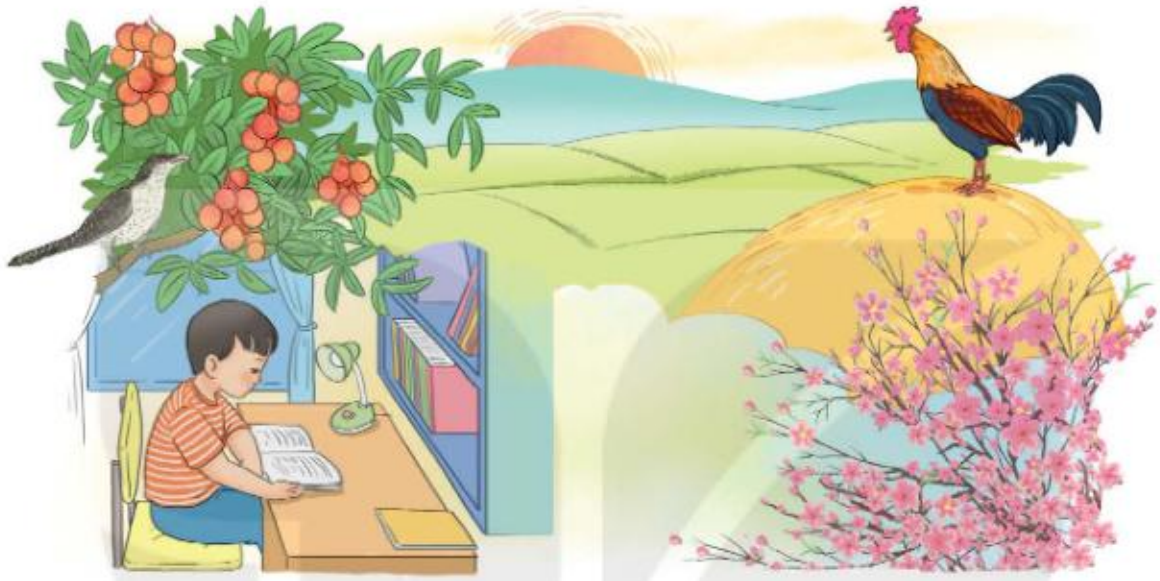
Bài 4

LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI

ĐỌC



Quan sát tranh và cho biết mỗi người, mỗi vật trong tranh đang làm gì.





LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI

Quanh ta, mọi vật, mọi người đều làm việc.

Cái đồng hồ tích tắc, tích tắc, báo phút, báo giờ. Con gà trống gáy vang ò ó o, báo cho mọi người biết trời sắp sáng, mau mau thức dậy. Con tu hú kêu tu hú, tu hú. Thế là sắp đến mùa vải chín. Chim bắt sâu, bảo vệ mùa màng. Cành đào nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ, ngày xuân thêm tưng bừng. Chim cú mèo chập tối đứng trong hốc cây rúc cú cú cũng làm việc có ích cho đồng ruộng.

Như mọi vật, mọi người, bé cũng làm việc. Bé làm bài. Bé đi học. Học xong, bé quét nhà, nhặt rau, chơi với em đỡ mẹ. Bé luôn luôn bận rộn, mà lúc nào cũng vui.

(*Theo* Tô Hoài)

Từ ngữ

- *Sắc xuân*: cảnh vật, màu sắc của mùa xuân.
- *Tưng bừng*: (quang cảnh, không khí) nhộn nhịp, tươi vui.
- *Rúc*: kêu lên một hồi dài.

1. Những con vật nào được nói đến trong bài?
2. Đóng vai một con vật trong bài, nói về công việc của mình.
3. Kể tên những việc bạn nhỏ trong bài đã làm.
4. Theo em, mọi người, mọi vật làm việc như thế nào?

1. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu hoạt động.

A	B
Con gà trống	tích tắc, tích tắc báo phút, báo giờ.
Cành đào	gáy vang báo trời sắp sáng.
Cái đồng hồ	nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ.

2. Đặt một câu nêu hoạt động của em ở trường.

VIẾT

1. Nghe – viết:

Làm việc thật là vui

Quanh ta, mọi vật, mọi người đều làm việc.

Cái đồng hồ báo phút, báo giờ. Con gà trống gáy vang báo trời sắp sáng. Con tu hú gọi mùa vải chín. Cành đào nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ, ngày xuân thêm tưng bừng.

2. Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái.

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
10	g	giê
11		hát
12		i
13	k	ca
14		e-lờ

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
15	m	em-mờ
16		en-nờ
17		o
18	ô	ô
19		ơ

3. Dựa vào chữ cái đầu tiên, sắp xếp tên các cuốn sách theo thứ tự trong bảng chữ cái.



LUYỆN TẬP

1. Tìm và gọi tên các vật trong tranh.



2. Tìm 3 – 5 từ ngữ chỉ hoạt động gắn với các vật trong tranh ở bài tập 1.

M: chổi – quét nhà

3. Đặt một câu nói về việc em làm ở nhà.

M: Em **quét nhà.**

1. Nhìn tranh, kể về các việc bạn nhỏ đã làm.



2. Viết 2 – 3 câu kể về một việc em đã làm ở nhà.

G:

– Em đã làm được việc gì?

– Em làm việc đó thế nào?

– Nêu suy nghĩ của em khi làm xong việc đó.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc các bài viết về những hoạt động của thiếu nhi.

2. Trao đổi với các bạn về bài đã đọc dựa vào gợi ý sau:

G:



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 3

Bài 5

EM CÓ XINH KHÔNG?

ĐỌC



Em thích được khen về điều gì?





EM CÓ XINH KHÔNG?

Voi em thích mặc đẹp và thích được khen xinh. Ở nhà, voi em luôn hỏi anh: "Em có xinh không?". Voi anh bao giờ cũng khen: "Em xinh lắm!".

Một hôm, gặp hươu, voi em hỏi:

– Em có xinh không?

Hươu ngắm voi rồi lắc đầu:

– Chưa xinh lắm vì em không có đôi sừng giống anh.

Nghe vậy, voi nhặt vài cành cây khô, gài lên đầu rồi đi tiếp.

Gặp dê, voi hỏi:

– Em có xinh không?

– Không, vì cậu không có bộ râu giống tôi.

Voi liền nhổ một khóm cỏ dại bên đường, gắn vào cằm rồi về nhà.

Về nhà với đôi sừng và bộ râu giả, voi em hớn hở hỏi anh:

– Em có xinh hơn không?

Voi anh nói:

– Trời ơi, sao em lại thêm sừng và râu thế này? Xấu lắm!

Voi em ngắm mình trong gương và thấy xấu thật. Sau khi bỏ sừng và râu đi, voi em thấy mình xinh đẹp hẳn lên. Giờ đây, voi em hiểu rằng mình chỉ xinh đẹp khi đúng là voi.

(*Theo* Ấu Phúc, *Voi em đi tìm tự tin*)



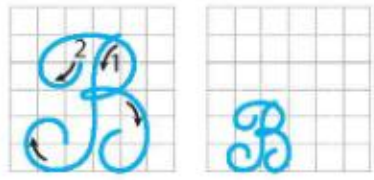
1. Voi em đã hỏi voi anh, hươu và dê điều gì?
2. Sau khi nghe hươu và dê nói, voi em đã làm gì?
3. Trước sự thay đổi của voi em, voi anh đã nói gì?
4. Em học được điều gì từ câu chuyện của voi em?

1. Những từ ngữ nào dưới đây chỉ hành động của voi em?

nhặt cành cây	nhổ khóm cỏ dại	lắc đầu	ngắm mình trong gương	khen

2. Nếu là voi anh, em sẽ nói gì sau khi voi em bỏ sừng và râu?

VIẾT

1. Viết chữ hoa: 

2. Viết ứng dụng: Bạn bè chia ngọt sẻ bùi.

NÓI VÀ NGHE

1. Quan sát tranh, nói tên các nhân vật và sự việc được thể hiện trong tranh.

Em có xinh không?



2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.

Kể cho người thân về nhân vật voi em trong câu chuyện.

Bài 6

MỘT GIỜ HỌC

ĐỌC



1. Nói về việc làm của em được thầy cô khen.
2. Em cảm thấy thế nào khi được thầy cô khen?





MỘT GIỜ HỌC

Thầy giáo nói: "Chúng ta cần học cách giao tiếp tự tin. Vì thế hôm nay chúng ta sẽ tập nói trước lớp về bất cứ điều gì mình thích.".

Quang được mời lên nói đầu tiên. Cậu lúng túng, đỏ mặt. Quang cảm thấy nói với bạn bên cạnh thì dễ, nhưng nói trước cả lớp thì sao mà khó thế. Thầy bảo: "Sáng nay ngủ dậy, em đã làm gì? Em cố nhớ xem.".

Quang ngập ngừng, vừa nói vừa gãi đầu: "Em...".

Thầy giáo nhắc: "Rồi gì nữa?".

Quang lại gãi đầu: "À... ờ... Em ngủ dậy.". Và cậu nói tiếp: "Rồi... ờ...".

Thầy giáo mỉm cười, kiên nhẫn nghe Quang nói. Thầy bảo: "Thế là được rồi đấy!".

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhưng Quang chưa chịu về chỗ. Bỗng cậu nói to: "Rồi sau đó... ờ... à...". Quang thở mạnh một hơi rồi nói tiếp: "Mẹ... ờ... bảo: Con đánh răng đi. Thế là em đánh răng.". Thầy giáo vỗ tay. Cả lớp vỗ tay theo. Cuối cùng, Quang nói với giọng rất tự tin: "Sau đó bố đưa em đi học.".

Thầy giáo vỗ tay. Các bạn vỗ tay theo. Quang cũng vỗ tay. Cả lớp tràn ngập tiếng vỗ tay.

(Phỏng theo *Tốt-tô-chan, cô bé bên cửa sổ*)

Từ ngữ

– *Lúng túng*: không biết nói hoặc làm như thế nào.

– *Kiên nhẫn*: tiếp tục làm việc đã định mà không nản lòng.



1. Trong giờ học, thầy giáo yêu cầu cả lớp làm gì?
2. Vì sao lúc đầu Quang lúng túng?
3. Theo em, điều gì khiến Quang trở nên tự tin?
4. Khi nói trước lớp, em cảm thấy thế nào?

1. Tìm những câu hỏi có trong bài đọc. Đó là câu hỏi của ai dành cho ai?
2. Đóng vai các bạn và Quang, nói và đáp lời khen khi Quang trở nên tự tin.

VIẾT

1. Nghe – viết:

Một giờ học

Đúng là nói trước cả lớp thì chẳng dễ chút nào. Lúc đầu, Quang còn ngượng nghịu. Nhưng nhờ thầy giáo và các bạn động viên, Quang đã tự tin hơn và nói một cách lưu loát.

2. Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái.

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
20	p	pê
21	q	quy
22	r	e-rờ
23	s	ét-sì
24		tê

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
25		u
26	ư	ư
27		vê
28	x	ích-xì
29		i dài

3. Sắp xếp tên các bạn dưới đây theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái. Viết lại tên các bạn theo thứ tự đã sắp xếp.



LUYỆN TẬP

1. Những từ ngữ nào dưới đây chỉ đặc điểm?



2. Ghép các từ ngữ ở bài tập 1 để tạo câu nêu đặc điểm.

M: Đôi mắt **đen láy**.

3. Đặt một câu nêu đặc điểm ngoại hình của một bạn trong lớp em.

1. Nói về các hoạt động của bạn nhỏ trong tranh.



G:

– Bạn nhỏ làm những việc gì?

– Theo em, bạn nhỏ làm những việc đó trong thời gian nào?

– Còn em, trước khi đi học, em thường tự làm những việc gì?

2. Viết 3 – 4 câu kể về những việc em thường làm trước khi đi học.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ hoặc câu chuyện viết về trẻ em làm việc nhà.

2. Đọc cho các bạn nghe một đoạn em thích.



Đôi bàn tay bé

(Trích)

Đôi bàn tay bé xíu
Lại siêng năng nhất nhà
Hết xâu kim cho bà
Lại nhặt rau giúp mẹ.

(Nguyễn Lãm Thắng)



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 4

Bài 7 CÂY XẤU HỔ

ĐỌC



1. Em biết gì về loài cây trong tranh?
2. Dựa vào tên bài đọc và tranh minh hoạ, em thử đoán xem loài cây này có gì đặc biệt.





CÂY XẤU HỔ

Bỗng dưng, gió ào ào nổi lên. Có tiếng động gì lạ lắm. Những chiếc lá khô lạt xạt lướt trên cỏ. Cây xấu hổ co rúm mình lại.

Nó bỗng thấy xung quanh xôn xao. Nó hé mắt nhìn: không có gì lạ cả. Bấy giờ, nó mới mở bừng những con mắt lá. Quả nhiên, không có gì lạ thật.

Nhưng những cây cỏ xung quanh vẫn cứ xôn xao. Thì ra, vừa có một con chim xanh biếc, toàn thân lóng lánh như tự toả sáng không biết từ đâu bay tới. Chim đậu một thoáng trên cành thanh mai rồi lại vội bay đi. Các cây cỏ xuýt xoa: biết bao nhiêu con chim đã bay qua đây, chưa có con nào đẹp đến thế.

Càng nghe bạn bè trầm trồ, cây xấu hổ càng tiếc. Không biết bao giờ con chim xanh ấy quay trở lại?

(*Theo* Trần Hoài Dương)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Từ ngữ

– *Lạt xạt*: tiếng va chạm của lá khô.

– *Xôn xao*: nhiều âm thanh, tiếng nói nhỏ phát ra cùng một lúc.

– *Xuýt xoa*: phát ra tiếng như tiếng gió biểu thị cảm giác đau, rét hoặc sự kinh ngạc, tiếc rẻ.

– *Thanh mai*: cây bụi thấp, quả mọng nước, trông như quả dâu.

1. Nghe tiếng động lạ, cây xấu hổ đã làm gì?
2. Cây cỏ xung quanh xôn xao về chuyện gì?
3. Cây xấu hổ nuối tiếc điều gì?
4. Câu văn nào cho biết cây xấu hổ rất mong con chim xanh quay trở lại?

1. Những từ ngữ nào dưới đây chỉ đặc điểm?

đẹp	lóng lánh	bay đi	trở lại	xanh biếc

2. Nói tiếp lời của cây xấu hổ:

Mình rất tiếc (…).

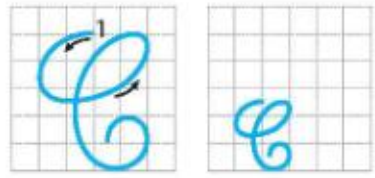
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG







VIẾT

1. Viết chữ hoa: 

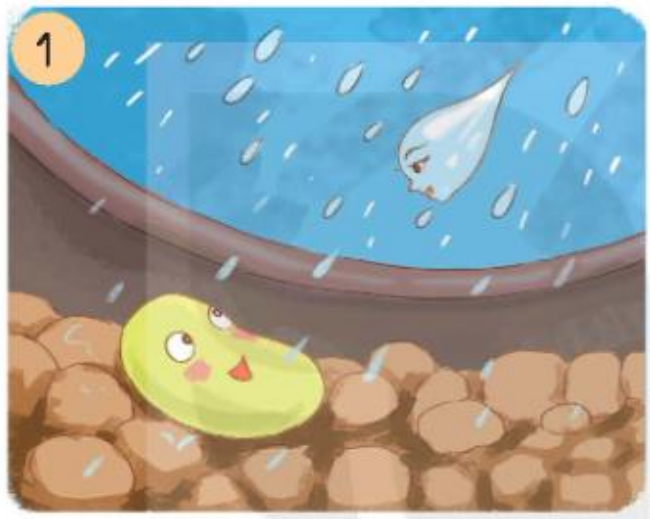
2. Viết ứng dụng: Có công mài sắt, có ngày nên kim.

NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

Chú đỗ con

(*Theo* Nhật Linh)



Cuộc gặp gỡ của đỗ con và cô mưa xuân diễn ra thế nào?



Cuộc gặp gỡ của đỗ con và chị gió xuân diễn ra thế nào?



Cuộc gặp gỡ của đỗ con và bác mặt trời diễn ra thế nào?



Cuối cùng, đỗ con làm gì?

2. Nghe kể câu chuyện.

3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.



Nói với người thân về hành trình hạt đỗ trở thành cây đỗ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 8

CẦU THỦ DỰ BỊ

ĐỌC



Quan sát tranh và cho biết:

1. Các bạn nhỏ đang chơi môn thể thao gì?
2. Em có thích môn thể thao này không? Vì sao?





CẦU THỦ DỰ BỊ

Nhìn các bạn đá bóng, gấu con rất muốn chơi cùng. Nhưng thấy gấu con có vẻ chậm chạp và đá bóng không tốt nên chưa đội nào muốn nhận cậu.

– Gấu à, cậu làm cầu thủ dự bị nhé! – Khỉ nói.

Gấu con hơi buồn nhưng cũng đồng ý. Trong khi chờ được vào sân, gấu đi nhặt bóng cho các bạn. Gấu cố gắng chạy thật nhanh để các bạn không phải chờ lâu.

Hằng ngày, gấu đến sân bóng từ sớm để luyện tập. Gấu đá bóng ra xa, chạy đi nhặt rồi đá vào gôn, đá đi đá lại,... Cứ thế, gấu đá bóng ngày càng giỏi hơn.

Một hôm, đến sân bóng thấy gấu đang luyện tập, các bạn ngạc nhiên nhìn gấu rồi nói: "Cậu giỏi quá!", "Này, vào đội tớ nhé!", "Vào đội tớ đi!".

– Tớ nên vào đội nào đây? – Gấu hỏi khỉ.

– Hiệp đầu cậu đá cho đội đỏ, hiệp sau cậu đá cho đội xanh. – Khỉ nói.

Gấu vui vẻ gật đầu. Cậu nghĩ: "Hoá ra làm cầu thủ dự bị cũng hay nhỉ!".

(Theo *100 truyện ngụ ngôn hay nhất*)

Từ ngữ

Dự bị: chưa phải là thành viên chính thức, nhưng có thể thay thế hoặc bổ sung khi cần.



1. Câu chuyện kể về ai?
2. Vì sao lúc đầu chưa đội nào muốn nhận gấu con?
3. Là cầu thủ dự bị, gấu con đã làm gì?
4. Vì sao cuối cùng cả hai đội đều muốn gấu con về đội của mình?

1. Câu nào trong bài là lời khen?
2. Nếu là bạn của gấu con trong câu chuyện trên, em sẽ nói lời chúc mừng gấu con như thế nào? Đoán xem, gấu con sẽ trả lời em ra sao.

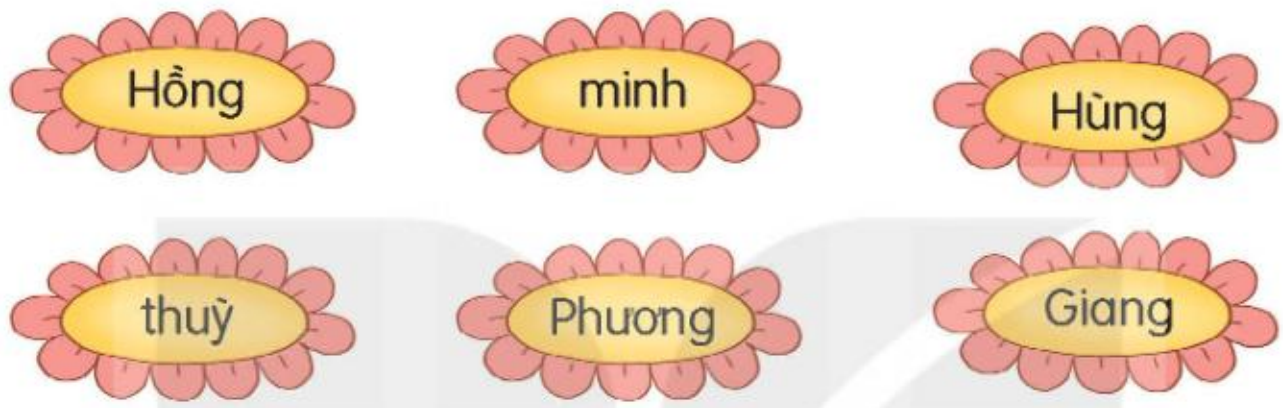
VIẾT

1. Nghe – viết:

Cầu thủ dự bị

Hằng ngày, gấu đến sân bóng từ sớm để luyện tập. Gấu đá bóng ra xa, chạy đi nhặt rồi đá vào gôn, đá đi đá lại,... Cứ thế, gấu đá bóng ngày càng giỏi. Các bạn đều muốn rủ gấu về đội của mình.

2. Những tên riêng nào dưới đây được viết đúng?



3. Sắp xếp tên của các bạn học sinh dưới đây theo thứ tự trong bảng chữ cái.

Nguyễn Ngọc Anh
Nguyễn Mạnh Vũ
Phạm Hồng Đào
Hoàng Văn Cường
Lê Gia Huy

4. Viết vào vở họ và tên của em và 2 bạn trong tổ.

LUYỆN TẬP

1. Nói tên các dụng cụ thể thao sau:

1


2


3


2. Dựa vào tranh và gợi ý dưới tranh, nói tên các trò chơi dân gian.



Bịt mắt (...)



Chi chi (...)



Nu na (...)



Dung dăng (...)

3. Đặt câu về hoạt động trong mỗi tranh.







M: Hai bạn **chơi bóng bàn.**

1. Nói về một hoạt động của các bạn nhỏ trong tranh.

G:

– Hoạt động các bạn tham gia là gì?

– Hoạt động đó cần mấy người?

– Dụng cụ để thực hiện hoạt động là gì?

– Em đoán xem các bạn cảm thấy thế nào khi tham gia hoạt động đó.



2. Viết 3 – 4 câu kể về một hoạt động thể thao hoặc một trò chơi em đã tham gia ở trường.

G:

– Hoạt động thể thao hoặc trò chơi em đã tham gia là gì?

– Em tham gia cùng với ai, ở đâu?

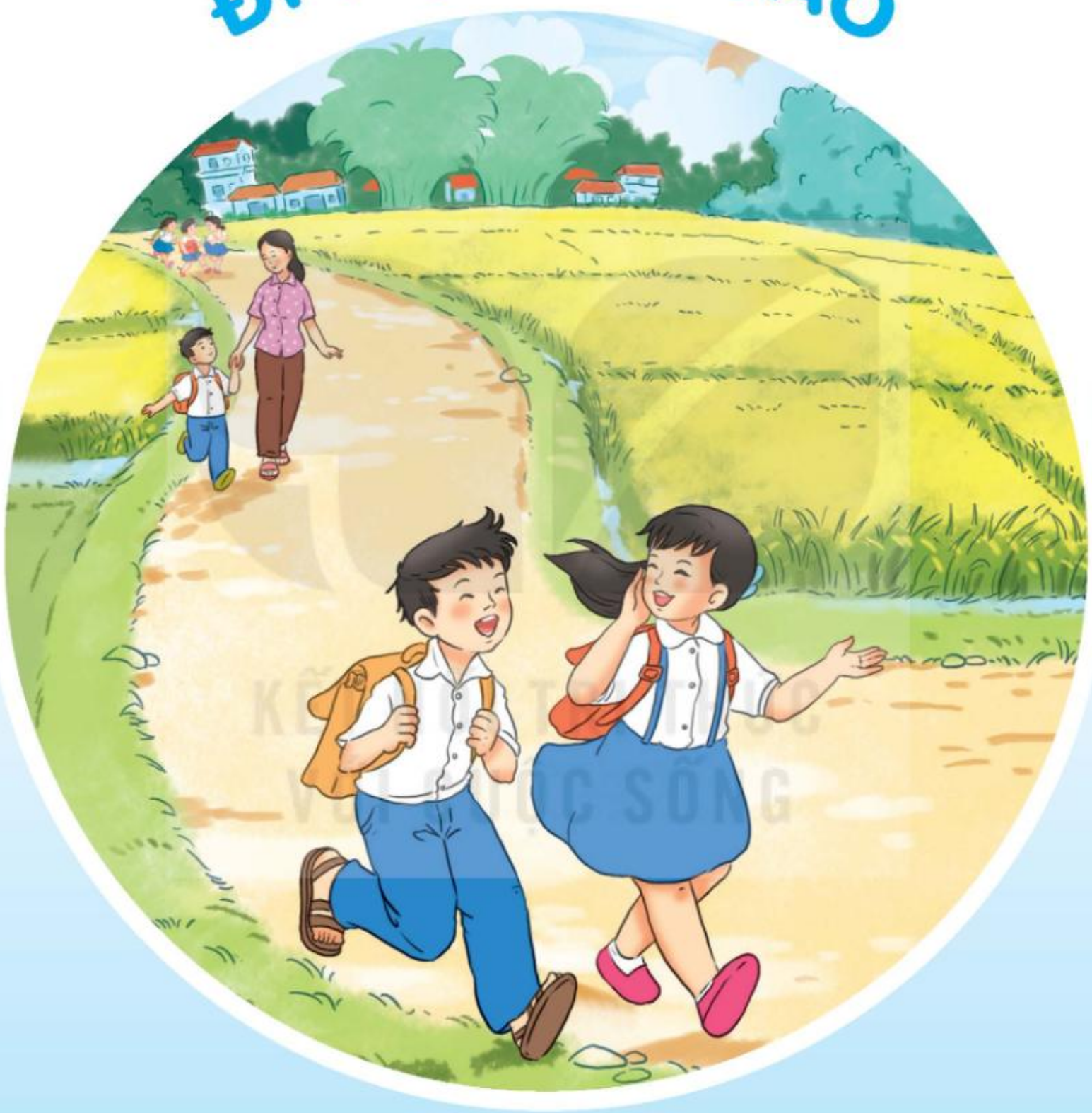
– Em cảm thấy thế nào khi tham gia hoạt động đó?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài viết về hoạt động thể thao.
2. Kể cho các bạn nghe điều thú vị em đọc được.



ĐI HỌC VUI SAO



Tuần 5

Bài 9

CÔ GIÁO LỚP EM

ĐỌC



Đọc một bài thơ hoặc hát một bài hát về thầy cô.



CÔ GIÁO LỚP EM

Sáng nào em đến lớp
Cũng thấy cô đến rồi.
Đáp lời "Chào cô ạ!"
Cô mỉm cười thật tươi.

Cô dạy em tập viết
Gió đưa thoảng hương nhài
Nắng ghé vào cửa lớp
Xem chúng em học bài.



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Những lời cô giáo giảng
Ấm trang vở thơm tho
Yêu thương em ngắm mãi
Những điểm mười cô cho.

(Nguyễn Xuân Sanh)

1. Cô giáo đáp lại lời chào của học sinh như thế nào?
2. Tìm những câu thơ tả cảnh khi cô dạy học.
3. Bạn nhỏ đã kể những gì về cô giáo của mình?
4. Qua bài thơ, em thấy tình cảm bạn nhỏ dành cho cô giáo thế nào?

* Học thuộc lòng 2 khổ thơ em thích.

1. Nói câu thể hiện sự ngạc nhiên của em khi:

a. Lần đầu được nghe một bạn hát rất hay

b. Được bố mẹ tặng một món quà bất ngờ

2. Nói câu thể hiện tình cảm của em đối với thầy cô giáo của mình.



VIẾT

1. Viết chữ hoa: Đ

2. Viết ứng dụng: Dung dăng dung dẻ
Dắt trẻ đi chơi.

NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

Cậu bé ham học

(Theo *Kể chuyện thần đồng Việt Nam*)



Vì sao cậu bé Vũ Duệ không được đi học?



Buổi sáng, Vũ Duệ thường cõng em đi đâu?



Vì sao Vũ Duệ được thầy khen?



Vì sao Vũ Duệ được đi học?

2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.

Kể cho người thân về cậu bé Vũ Duệ trong câu chuyện *Cậu bé ham học*.

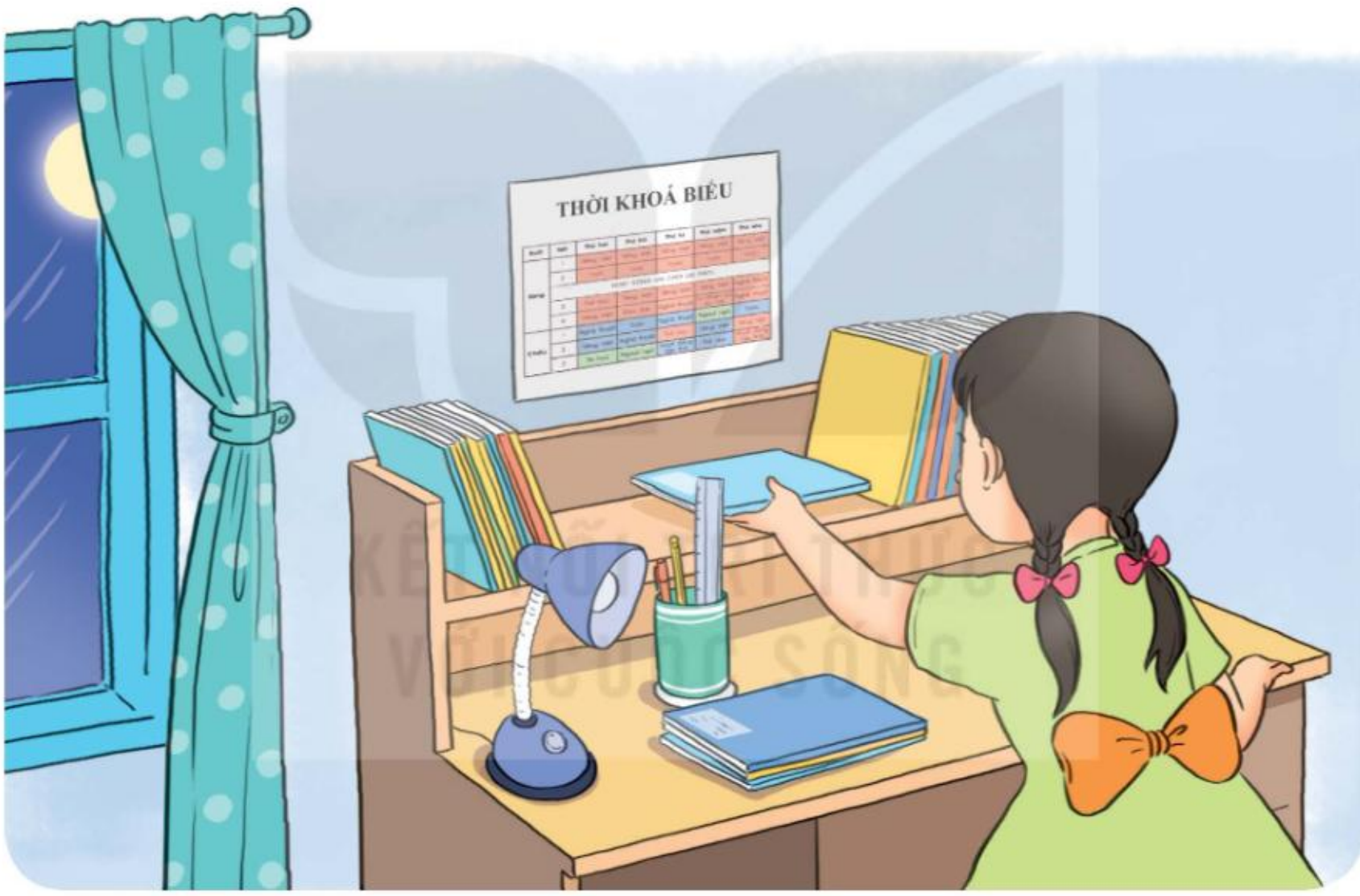
Bài 10

THỜI KHOÁ BIỂU

ĐỌC



Em làm thế nào để biết được các môn học trong ngày, trong tuần?





THỜI KHOÁ BIỂU

Thời khoá biểu cho biết thời gian học các môn của từng ngày trong tuần. Thời khoá biểu gồm nhiều cột dọc và nhiều hàng ngang. Các bạn học sinh thường đọc thời khoá biểu theo trình tự thứ – buổi – tiết – môn.

THỜI KHOÁ BIỂU LỚP 2A

	Tiết	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
BUỔI SÁNG	1	Hoạt động trải nghiệm	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	Tiếng Việt
	2	Toán	Tiếng Việt	Mĩ thuật	Tiếng Việt	Tiếng Việt
	3	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	Giáo dục thể chất	Toán
	4	Tiếng Việt	Giáo dục thể chất	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Anh
BUỔI CHIỀU	1	Tiếng Anh	Đạo đức	Hoạt động trải nghiệm	Tự nhiên và Xã hội	Âm nhạc
	2	Tự học có hướng dẫn	Tự học có hướng dẫn	Tự học có hướng dẫn	Tự học có hướng dẫn	Tự học có hướng dẫn
	3		Tự nhiên và Xã hội			Hoạt động trải nghiệm



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Đọc thời khoá biểu của ngày thứ Hai.
2. Sáng thứ Hai có mấy tiết?
3. Thứ Năm có những môn học nào?
4. Nếu không có thời khoá biểu, em sẽ gặp khó khăn gì?

1. Dựa vào thời khoá biểu trên đây, hỏi – đáp theo mẫu:



2. Nói một câu giới thiệu môn học hoặc hoạt động ở trường mà em thích.

M: Tiếng Việt là môn học tôi yêu thích nhất.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Thời khoá biểu* (từ đầu đến *thứ – buổi – tiết – môn*).

2. Dựa vào tranh, viết tên đồ vật có tiếng bắt đầu bằng *c* hoặc *k*.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

Mặt ▨ời mọc rồi lặn
▨ên đôi ▨ân lon ton
Hai ▨ân ▨ời của con
Là mẹ và cô giáo.

(*Theo* Trần Quốc Toàn)

b. Chọn *v* hoặc *d* thay cho ô vuông.

Có con chim ▨ành khuyên nhỏ
▨áng trông thật ngoan ngoãn quá
Gọi ▨ạ, bảo ▨âng lễ phép ngoan nhất nhà.

(*Theo* Hoàng Vân)

LUYỆN TẬP

1. Dựa vào tranh, tìm từ ngữ:

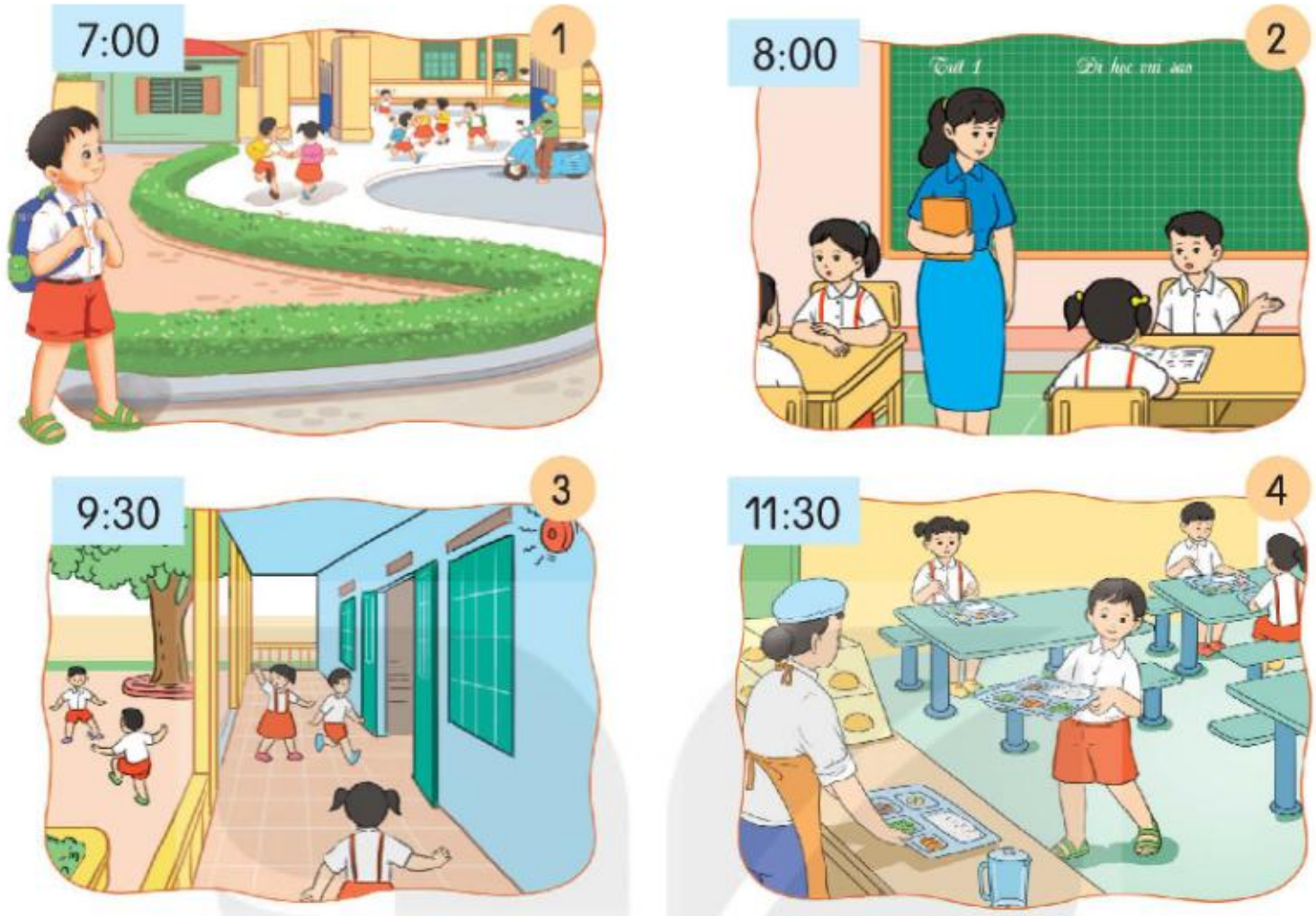
a. Chỉ sự vật

b. Chỉ hoạt động



2. Đặt một câu nêu hoạt động với từ ngữ vừa tìm được.

1. Quan sát tranh, kể lại các hoạt động của bạn Nam.



M: 7 giờ, bạn Nam đi học.

2. Viết thời gian biểu của em từ 5 giờ chiều (17:00) đến lúc đi ngủ.

M: Thời gian biểu

Thời gian	Hoạt động
17:00	Đi học về
...	...

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc bảng tin của nhà trường.
2. Chia sẻ với bạn những thông tin mà em quan tâm.



Tuần 6

Bài 11

CÁI TRỐNG TRƯỜNG EM

ĐỌC

Tiếng trống trường báo cho em biết điều gì?







CÁI TRỐNG TRƯỜNG EM

Cái trống trường em
Mùa hè cũng nghỉ
Suốt ba tháng liền
Trống nằm ngẫm nghĩ.

Buồn không hả trống
Trong những ngày hè
Bọn mình đi vắng
Chỉ còn tiếng ve?





Cái trống lặng im
Nghiêng đầu trên giá
Chắc thấy chúng em
Nó mừng vui quá!



Kìa trống đang gọi:
Tùng! Tùng! Tùng! Tùng!
Vào năm học mới
Giọng vang tưng bừng.

(Thanh Hào)

Từ ngữ

Ngẫm nghĩ: nghĩ đi nghĩ lại kĩ càng.

1. Bạn học sinh kể gì về trống trường trong những ngày hè?
2. Tiếng trống trường trong khổ thơ cuối báo hiệu điều gì?
3. Khổ thơ nào cho thấy bạn học sinh trò chuyện với trống trường như với một người bạn?
4. Em thấy tình cảm của bạn học sinh với trống trường như thế nào?

1. Những từ ngữ nào dưới đây nói về trống trường như nói về con người?

ngẫm nghĩ | mừng vui | buồn | đi vắng

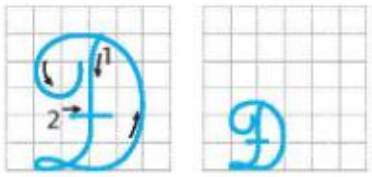
2. Nói và đáp:

a. Lời tạm biệt của bạn học sinh với trống trường

b. Lời tạm biệt bạn bè khi bắt đầu nghỉ hè

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VIẾT

1. Viết chữ hoa: 

2. Viết ứng dụng: Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

NÓI VÀ NGHE

Ngôi trường của em

1. Nói những điều em thích về trường của em.

G:

– Trường em tên là gì? Ở đâu?

– Điều gì khiến em cảm thấy yêu thích, muốn đến trường hằng ngày?



2. Em muốn trường mình có những thay đổi gì?

Nói với người thân những điều em muốn trường mình thay đổi.

Bài 12

DANH SÁCH HỌC SINH

ĐỌC



1. Em đã được đọc bản danh sách học sinh nào dưới đây?

   – Danh sách học sinh đi tham quan

   – Danh sách học sinh dự thi vẽ tranh

   – Danh sách Sao Nhi đồng

2. Em biết được thông tin gì khi đọc bản danh sách đó?



DANH SÁCH HỌC SINH

Hôm nay, chúng tôi được đọc truyện tại lớp. Cô giáo cho chúng tôi đăng kí đọc truyện theo sở thích. Dưới đây là danh sách đăng kí của tổ tôi.

Danh sách học sinh tổ 2 lớp 2C đăng kí đọc truyện

Số thứ tự	Họ và tên	Truyện
1	Trần Trường An	Ngày khai trường
2	Nguyễn Hà Anh	Ếch xanh đi học
3	Nguyễn Ngọc Bảo	Ếch xanh đi học
4	Đỗ Duy Bắc	Ngày khai trường
5	Vũ Tiến Bình	Vì sao gà chẳng giỏi bơi?
6	Lê Thị Cúc	Ngày khai trường
7	Lê Gia Hân	Vì sao gà chẳng giỏi bơi?
8	Phùng Minh Khánh	Ếch xanh đi học

Dựa vào danh sách đăng kí, cô chia lớp thành ba nhóm, mỗi nhóm đọc một truyện. Chúng tôi đọc cho nhau nghe, rồi cùng nhau trao đổi về các nhân vật trong truyện mà nhóm đã chọn.

1. Trong bản danh sách, tổ 2 lớp 2C có bao nhiêu bạn?
2. Bạn đứng ở vị trí số 6 đăng kí đọc truyện gì?
3. Những bạn nào đăng kí đọc cùng truyện với bạn ở vị trí số 6?
4. Bản danh sách có tác dụng gì?

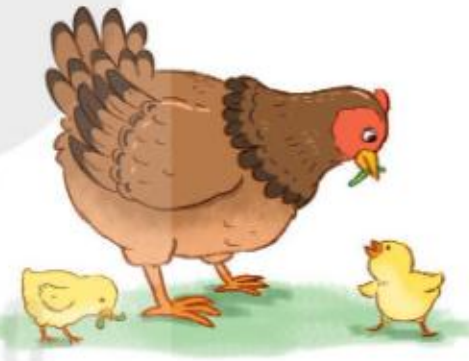
1. Tên học sinh trong bản danh sách được sắp xếp thế nào?
2. Học thuộc bảng chữ cái tiếng Việt.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Cái trống trường em* (từ *Buồn không hả trống* đến *Tùng! Tùng! Tùng! Tùng!*).

2. Dựa vào tranh, viết từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *g* hoặc *gh*.





KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn *s* hoặc *x* thay cho ô vuông rồi giải câu đố.



– Giữa đám lá mượt ▨anh
Treo từng chùm chuông nhỏ
Trắng ▨anh và hồng đỏ
Bừng ▨áng cả vườn quê.
(*Là quả gì?*)



– Cầu gì không bắc ngang ▨ông
Không trèo qua ▨uối mà chồng lên mây?
(*Là gì?*)

b. Chọn *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* cho chữ in đậm.

Mắt **cua** ngôi nhà
Là **nhưng** ô **cưa**
Hai cánh khép **mơ**
Như hai hàng mi

Môi khi người đi
Mắt buồn ngủ miết
Người về mắt vui
Thức không biết mệt.

(*Theo* Đặng Vương Hưng)

LUYỆN TẬP

1. Giải câu đố để tìm từ ngữ chỉ sự vật.

a. Cái gì tích tắc ngày đêm,
Nhắc em đi ngủ, nhắc em học bài
Một anh chậm bước khoan thai,
Một anh chạy những bước dài thật nhanh?

(*Là cái gì?*)

b. Ruột dài từ mũi đến chân
Mũi mòn ruột cũng dần dần mòn theo.

(*Là cái gì?*)

c. Nhỏ như cái kẹo
Dẻo như bánh giầy
Học trò lâu nay
Vẫn cần đến tớ.

(*Là cái gì?*)

2. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm trong các câu đố trên.

M: chậm

3. Đặt một câu nêu đặc điểm của đồ vật ở trường, lớp.

M: Thân trống **nâu bóng**.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Đọc danh sách dưới đây và trả lời câu hỏi.

Danh sách học sinh tổ 1 lớp 2A đăng kí đi tham quan

Số thứ tự	Họ và tên	Địa điểm tham quan
1	Nguyễn Hải Anh	Bảo tàng Dân tộc học
2	Đỗ Thị Thanh Bình	Lăng Bác
3	Nguyễn Văn Cường	Bảo tàng Dân tộc học
4	Trần Minh Đức	Bảo tàng Dân tộc học
5	Lê Hương Giang	Bảo tàng Dân tộc học
6	Nguyễn Thị Thanh Hương	Lăng Bác
7	Trịnh Cao Khải	Lăng Bác
8	Trần Hải Phong	Lăng Bác

a. Tổ 1 lớp 2A có bao nhiêu học sinh?

b. Có mấy bạn đăng kí đi tham quan Lăng Bác?

c. Có mấy bạn đăng kí đi tham quan Bảo tàng Dân tộc học?

2. Lập danh sách tổ em đăng kí tham gia các câu lạc bộ của trường như: câu lạc bộ cờ vua, võ thuật, bơi lội,...

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc bài thơ, câu chuyện, bài báo viết về thầy cô.

2. Chép lại những câu thơ, câu văn em thích.

Ngày 12 tháng 10 năm 2020

Bàn tay cô giáo

(*Trích*)

Bàn tay cô giáo
Tết tóc cho em
Về nhà mẹ khen
Tay cô đến khéo.

(Định Hải)

Tuần 7

Bài 13

YÊU LẮM TRƯỜNG ƠI!

ĐỌC



1. Hát bài *Em yêu trường em* của nhạc sĩ Hoàng Vân.
2. Bạn nhỏ trong bài hát có tình cảm như thế nào với ngôi trường của mình?



YÊU LẮM TRƯỜNG ƠI!



Em yêu mái trường
Có hàng cây mát
Xôn xao khúc nhạc
Tiếng chim xanh trời.
Mỗi giờ ra chơi
Sân trường nhộn nhịp
Hồng hào gương mặt
Bạn nào cũng xinh.

Yêu lớp học em
Có khung cửa sổ
Có bàn tay lá
Quạt gió mát vào.
Lời cô ngọt ngào
Thấm từng trang sách
Ngày không đến lớp
Thấy nhớ nhớ ghê!

Có đêm trong mơ
Bỗng cười khúc khích
Ngỡ đang ở lớp
Cùng bạn đùa vui.

(Nguyễn Trọng Hoàn)

1. Đọc khổ thơ tương ứng với từng bức tranh dưới đây:







2. Tìm những câu thơ tả các bạn học sinh trong giờ ra chơi.

3. Bạn nhỏ yêu những gì ở trường, lớp của mình?

4. Bạn nhỏ nhớ gì về cô giáo khi không đến lớp?

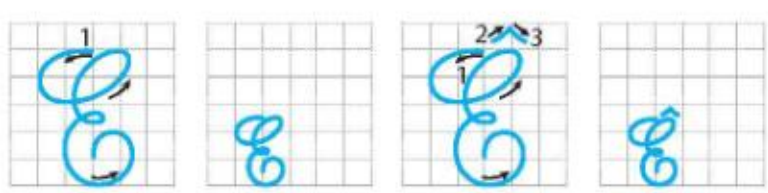
1. Từ nào trong bài thơ thể hiện rõ nhất tình cảm của bạn nhỏ dành cho trường lớp?

2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm.

A	B
Gương mặt các bạn	nhộn nhịp.
Lời cô	ngọt ngào.
Sân trường	hồng hào.

VIẾT

1. Viết chữ hoa:



2. Viết ứng dụng: Em yêu mái trường
Có hàng cây mát.

NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

Bữa ăn trưa

(Phỏng theo *Tốt-tô-chan, cô bé bên cửa sổ*)



2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.

Chọn a hoặc b.

a. Kể cho người thân về giờ ăn trưa ở lớp em.

b. Kể cho bạn về bữa ăn trưa của em.

Bài 14

EM HỌC VẼ

ĐỌC



Giới thiệu với bạn một bức tranh mà em thích.



EM HỌC VẼ

Hôm nay trong lớp học
Với giấy trắng, bút màu
Nắn nót em ngồi vẽ
Lung linh bầu trời sao.

Vẽ ông trăng trên cao
Rải ánh vàng đầy ngõ
Vẽ cánh diều no gió
Vi vu giữa trời xanh.

Vẽ biển cả trong lành
Có một con thuyền trắng
Giương cánh buồm đỏ thắm
Đang rẽ sóng ra khơi.

Vẽ cả ông mặt trời
Và những chùm phượng đỏ
Trên sân trường lộng gió
Gọi ve về râm ran.

(Phan Thị Diên)

1. Bạn nhỏ vẽ những gì trong bức tranh bầu trời đêm?
2. Bức tranh cảnh biển của bạn nhỏ có gì đẹp?
3. Đọc khổ thơ tương ứng với bức tranh dưới đây:



4. Tìm tiếng cùng vần ở cuối các dòng thơ.

* Học thuộc lòng 2 khổ thơ em thích.

1. Tìm trong bài thơ những từ ngữ chỉ sự vật.
2. Đặt câu nêu đặc điểm với 1 trong 3 từ *lung linh, vi vu, râm ran.*

M: Bầu trời sao **lung linh.**

VIẾT

1. Nghe – viết: *Em học vẽ* (2 khổ thơ đầu).

2. Chọn *ng* hoặc *ngh* thay cho ô vuông.

a. Trăm ▨e không bằng một thấy.

b. Có công mài sắt, có ▨ày nên kim.

3. Chọn a hoặc b.

a. Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *r, d* hoặc *gi* thay cho hình.

– Chậm như .

– Nhanh như .

– Nắng tốt , mưa tốt lúa.

b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *an* hoặc *ang* gọi tên sự vật trong mỗi hình.

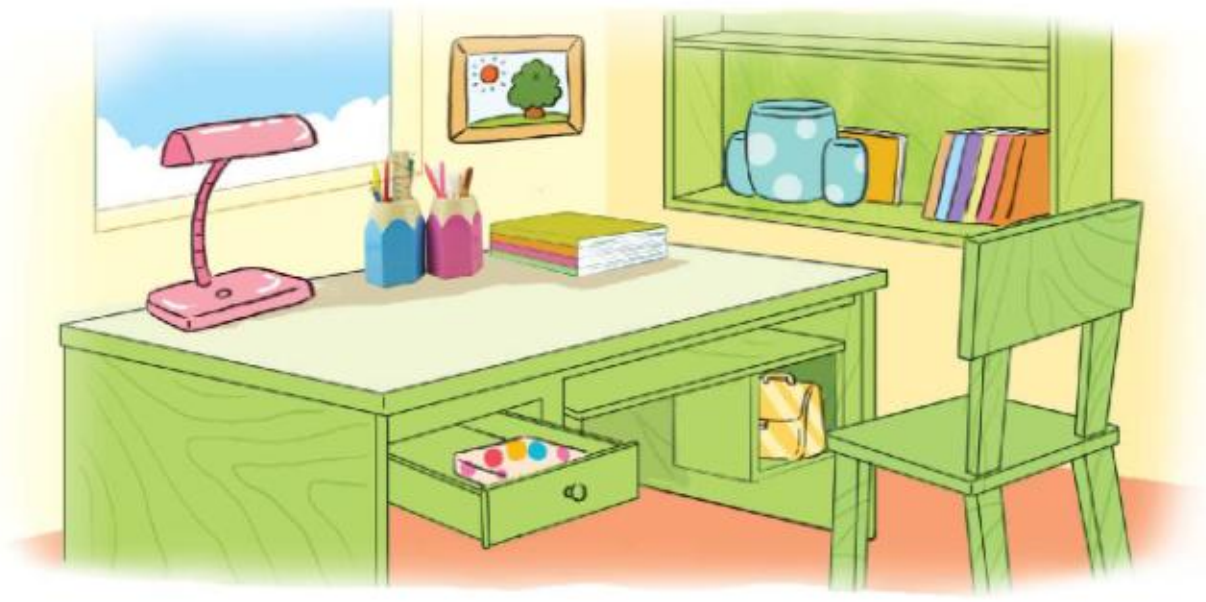






LUYỆN TẬP

1. Nói tên các đồ dùng có ở góc học tập.



2. Đặt một câu nêu công dụng của một đồ dùng học tập.

M:

Số thứ tự	Từ	Câu
1	bút màu	Bút màu dùng để vẽ tranh.
2	...	...

3. Chọn *dấu chấm* hoặc *dấu chấm hỏi* thay cho ô vuông.

Bút chì: – Tẩy ơi, cậu giúp tớ một chút được không▨

Tẩy: – Cậu muốn tớ giúp gì nào▨

Bút chì: – Tớ muốn xoá hình vẽ này▨

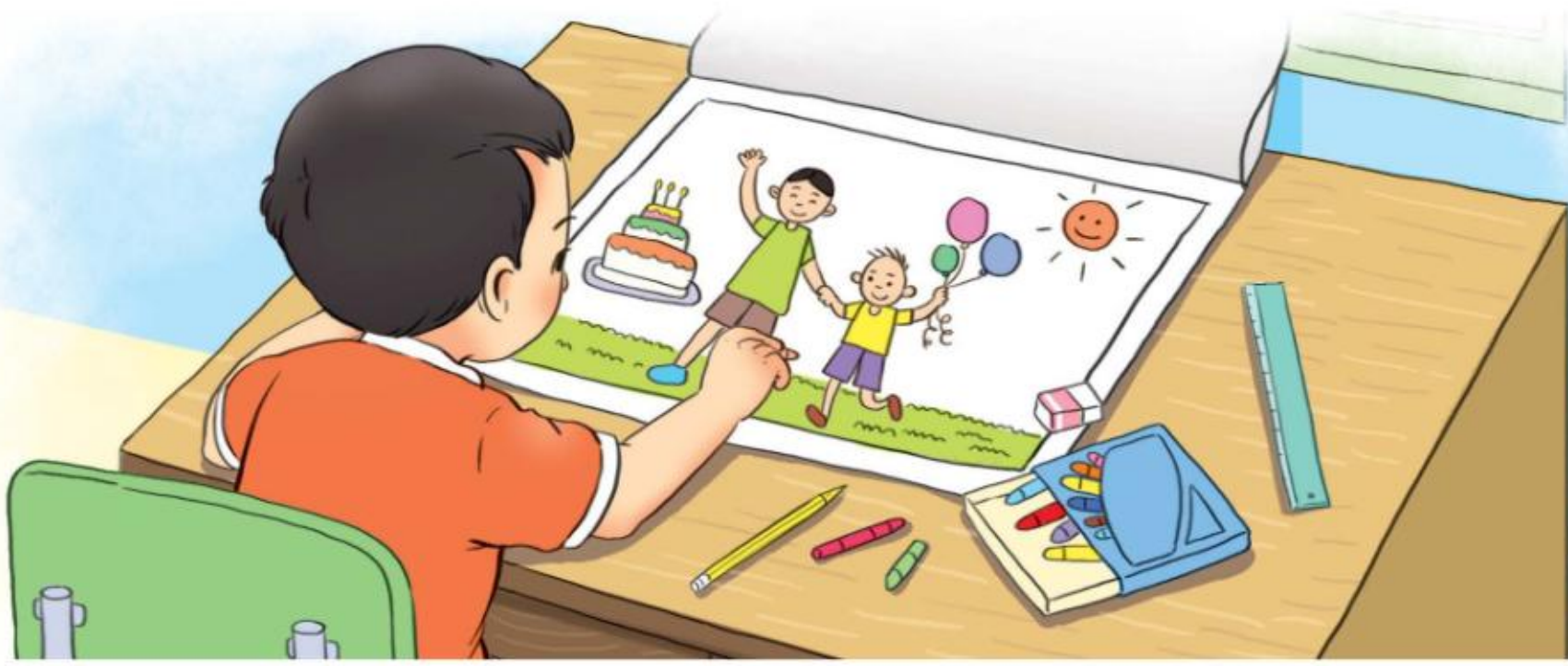
Tẩy: – Tớ sẽ giúp cậu▨

Bút chì: – Cảm ơn cậu▨



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

1. Nhìn tranh, nói tên đồ vật và nêu công dụng của chúng.



2. Viết 3 – 4 câu giới thiệu về một đồ vật được dùng để vẽ.

G:



ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một câu chuyện về trường học. Chia sẻ thông tin về câu chuyện dựa trên gợi ý sau:



2. Nói về một nhân vật em thích trong câu chuyện.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 15 CUỐN SÁCH CỦA EM

ĐỌC



Quan sát bìa sách bên và cho biết các thông tin có trên bìa sách.





CUỐN SÁCH CỦA EM

Mỗi cuốn sách có một tên gọi. Tên sách là hàng chữ lớn ở khoảng giữa bìa sách, thường chứa đựng rất nhiều ý nghĩa. Qua tên sách, em có thể biết được sách viết về điều gì.

Người viết cuốn sách được gọi là tác giả. Tên tác giả thường được ghi vào phía trên của bìa sách.

Nơi các cuốn sách ra đời được gọi là nhà xuất bản. Tên nhà xuất bản thường được ghi ở phía dưới bìa sách.

Phần lớn các cuốn sách đều có mục lục thể hiện các mục chính và vị trí của chúng trong cuốn sách. Mục lục thường được đặt ở ngay sau trang bìa, cũng có khi được đặt ở cuối sách.

Mỗi lần đọc một cuốn sách mới, đừng quên những điều này em nhé.

(Nhật Huy)

1. Chọn từ ngữ ở cột A với nội dung thích hợp ở cột B.

A	B
tên sách	nơi cuốn sách ra đời
tác giả	thường chứa đựng nhiều ý nghĩa
nhà xuất bản	người viết sách, báo
mục lục	thể hiện các mục chính và vị trí của chúng trong cuốn sách

2. Qua tên sách, em có thể biết được điều gì?

3. Sắp xếp các thông tin theo đúng trình tự trong bài đọc.

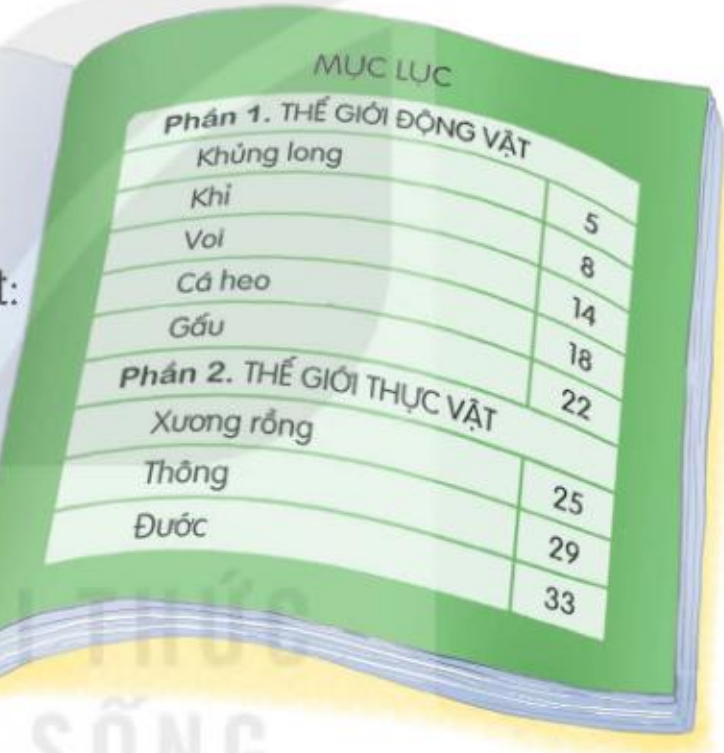
a. Tác giả c. Tên sách

b. Mục lục d. Nhà xuất bản

4. Đọc mục lục ở tranh bên và cho biết:

a. Phần 2 có những mục nào?

b. Để tìm hiểu về cây xương rồng, em đọc trang nào?



1. Xếp các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp.

tác giả cuốn sách bìa sách đọc sách ghi

Từ ngữ chỉ người, chỉ vật	Từ ngữ chỉ hoạt động

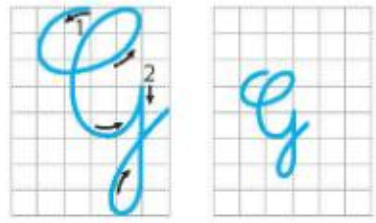
2. Nói tiếp để hoàn thành câu.

a. Tên sách được đặt ở (…).

b. Tên tác giả thường được đặt ở (…).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VIẾT

1. Viết chữ hoa: 

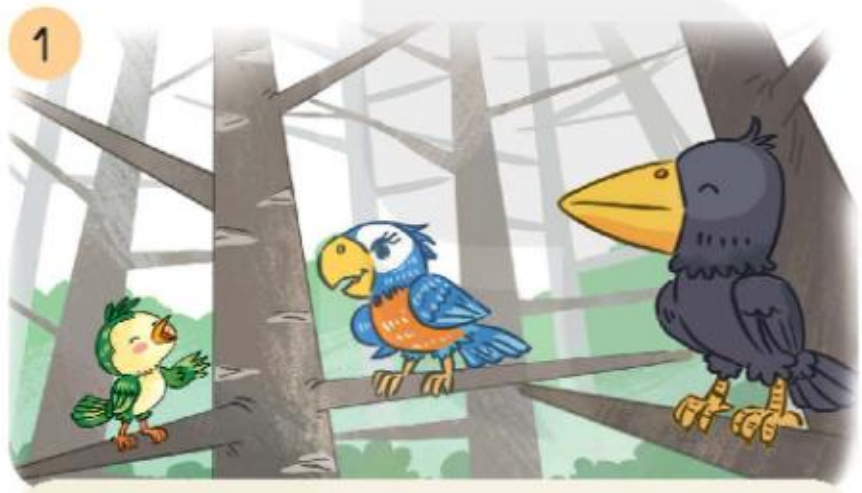
2. Viết ứng dụng: Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.

NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

Hoạ mi, vẹt và quạ

(Theo *100 truyện ngụ ngôn về đạo đức*)



Hoạ mi, vẹt và quạ nói chuyện gì với nhau?



Hoạ mi, vẹt và quạ đến gặp chim hoàng oanh vì chuyện gì?



Vì sao quạ bỏ các bạn bay đi?



Câu chuyện kết thúc thế nào?

2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.

Kể cho người thân nghe câu chuyện *Hoạ mi, vẹt và quạ.*

Bài 16

KHI TRANG SÁCH MỞ RA

ĐỌC



Nói tên những cuốn sách mà em đã đọc. Giới thiệu về cuốn sách em thích nhất.



KHI TRANG SÁCH MỞ RA



Khi trang sách mở ra
Chân trời xa xích lại
Bắt đầu là cỏ dại
Thứ đến là cánh chim
Sau nữa là trẻ con
Cuối cùng là người lớn.

Trong trang sách có biển
Em thấy những cánh buồm
Trong trang sách có rừng
Với bao nhiêu là gió.

Trang sách còn có lửa
Mà giấy chẳng cháy đâu
Trang sách có ao sâu
Mà giấy không hề ướt.

Trang sách không nói được
Sao em nghe điều gì
Dạt dào như sóng vỗ
Một chân trời đang đi.

(Nguyễn Nhật Ánh)

Từ ngữ

- *Cỏ dại*: cỏ mọc tự nhiên.
- *Thứ đến*: sau đó.

1. Sắp xếp các sự vật sau theo thứ tự được nhắc đến trong khổ thơ đầu.

a. cánh chim b. cỏ dại c. người lớn d. trẻ con

2. Ở khổ thơ thứ hai và thứ ba, bạn nhỏ thấy những gì trong trang sách?



3. Theo em, khổ thơ cuối ý nói gì?

a. Trong trang sách có tiếng sóng vỗ.

b. Trong trang sách có mây trời đang bay.

c. Trong trang sách có nhiều điều thú vị về cuộc sống.

4. Tìm những tiếng có vần giống nhau ở cuối các dòng thơ.

1. Tìm các từ ngữ chỉ sự vật trong khổ thơ thứ hai hoặc thứ ba.

2. Đặt một câu về một cuốn truyện.

M: Truyện *Tích Chu* nói về tình cảm bà cháu.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Khi trang sách mở ra* (2 khổ thơ cuối).

2. Viết tên 2 tác giả của những cuốn sách em đã đọc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn *l* hoặc *n* thay cho ô vuông.

– Dao có mài mới sắc, người có học mới ▨ên.

– Hay học thì sang, hay ▨àm thì có.

– ▨ật từng trang từng trang
Giấy trắng sờ mát rượi
Thơm tho mùi giấy mới
▨ắn ▨ót bàn tay xinh.
(*Theo* Nguyễn Quang Huy)

b. Chọn tiếng trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.

– (*gắn/ gắng*): ▨ bó, cố ▨, ▨ sức

– (*nắn/ nắng*): ánh ▨ , uốn ▨, ▨ nót

– (*vần/ vầng*): ▨ thơ, ▨ trăng, ▨ trán

– (*vân/ vâng*): ▨ gỗ, ▨ lời, ▨ tay

LUYỆN TẬP

1. Chọn từ chỉ đặc điểm của mỗi đồ dùng học tập trong hình.
(thẳng tắp, trắng tinh, nhọn hoắt, tím ngắt)



2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm.

A	B
Bàn học của Bống	thơm mùi giấy mới.
Cuốn vở	ngăn nắp, gọn gàng.
Cục tẩy	nhỏ xíu như một viên kẹo.

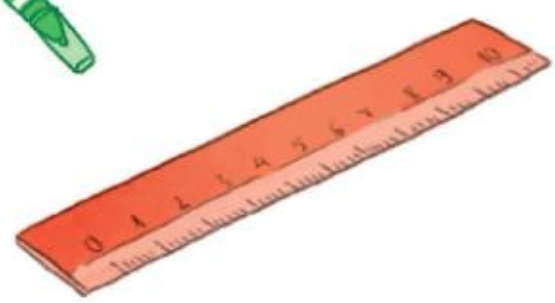
3. Chọn *dấu chấm* hoặc *dấu chấm hỏi* thay cho ô vuông.



Sách ơi thức dậy
Vở ơi học bài
Ô kìa thước kẻ
Sao cứ nằm dài□



Lại còn anh bút
Trốn tít nơi đâu□
Nhanh dậy đi mau
Cùng em đến lớp□

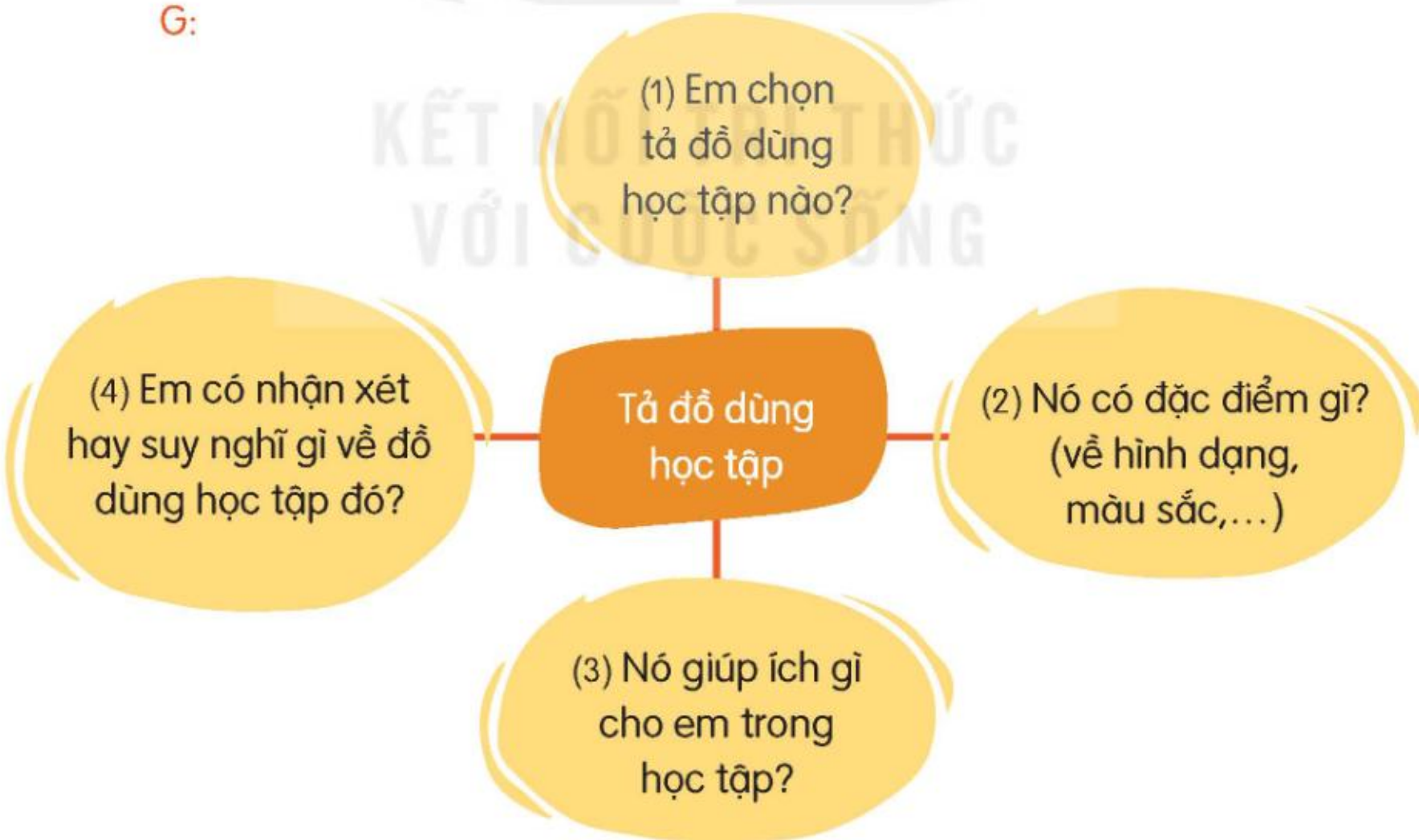


(*Theo* Ngọc Minh)

1. Kể tên các đồ dùng học tập của em.

2. Viết 3 – 4 câu tả một đồ dùng học tập của em.

G:



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Cho biết phiếu đọc sách dưới đây của bạn Nam có những nội dung gì.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Ngày: 18/10/2020

Tên sách: *Cái Tết của mèo con*

Tên tác giả: Nguyễn Đình Thi

Điều em thích nhất: Mèo con rất dũng cảm.

2. Ghi chép các thông tin về cuốn sách mà em đã đọc vào phiếu đọc sách theo mẫu (làm vào vở).

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Ngày: (...)

Tên sách: (...)

Tên tác giả: (...)

Điều em thích nhất: (...)

3. Nói về điều em thích nhất trong cuốn sách đã đọc.

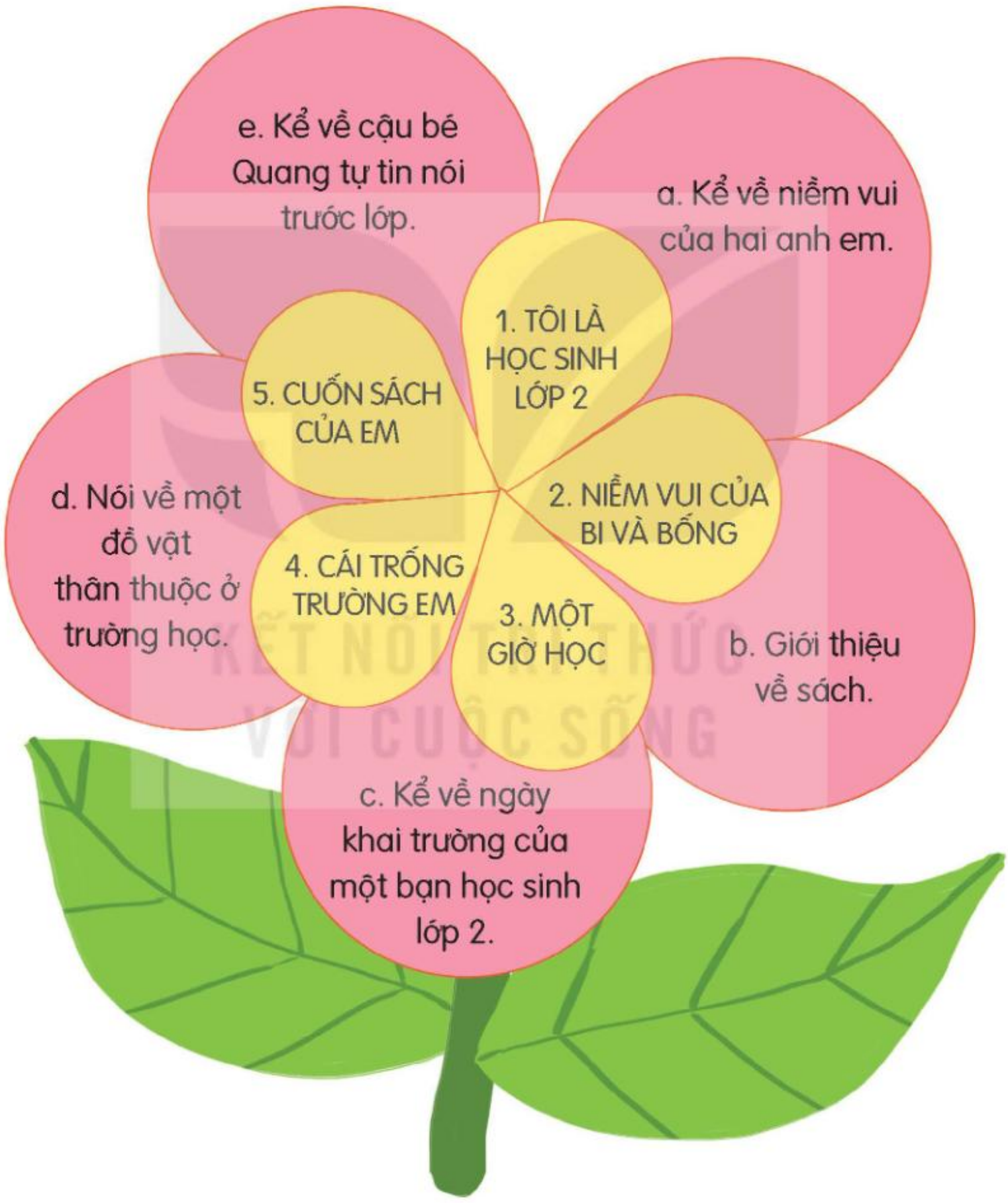


Tuần 9

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1

Tiết 1 – 2

1. Tìm tên bài đọc tương ứng với nội dung của bài.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Chọn đọc một bài và trả lời câu hỏi.

TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2
Theo em, vì sao vào ngày khai trường, các bạn thường muốn đến trường sớm?



EM CÓ XINH KHÔNG?
Cuối cùng, voi em nhận thấy mình xinh nhất khi nào?

NIỀM VUI CỦA BI VÀ BỐNG
Theo em, vì sao Bi và Bống không vẽ tranh cho mình mà lại vẽ cho nhau?



CẦU THỦ DỰ BỊ
Theo gấu, cầu thủ dự bị là như thế nào?

CÔ GIÁO LỚP EM
Em thích khổ thơ nào nhất? Vì sao?

CÁI TRỐNG TRƯỜNG EM
Vì sao trong những ngày hè trống trường lại buồn?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tiết 3 – 4

3. Nghe – viết: *Cô giáo lớp em* (2 khổ thơ đầu).

4. Trò chơi: Đoán từ

a. Bắt đầu bằng *tr* | Đồ vật ở trường | Dùng để báo giờ học

b. Bắt đầu bằng *ch* | Đồ vật trong nhà | Dùng để quét nhà

c. Chứa vần *ang* | Đồ vật trong lớp | Dùng để viết chữ lên đó

d. Chứa vần *an* | Đồ vật ở góc học tập | Dùng để bày sách vở

5. Viết tên đồ vật trong mỗi hình.



6. Hỏi – đáp về công dụng của từng đồ vật ở bài tập 5.

M:

– Kéo dùng để làm gì?

– Kéo dùng để cắt giấy, cắt vải,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

7. Ghép các từ ngữ để tạo 4 câu nêu đặc điểm.

đôi mắt của bé

những vì sao

cầu vồng

tóc bà

lấp lánh trong đêm

to tròn, đen láy

đã bạc

rực rỡ sau cơn mưa

Tiết 5 – 6

8. Đóng vai, nói và đáp lời trong các tình huống sau:

a. Nhờ bạn nhặt giúp cái bút bị rơi.

b. Khen bạn viết chữ đẹp.

c. An ủi bạn khi bạn bị ốm nên phải nghỉ học.

d. Chúc mừng sinh nhật bạn.

9. Mỗi câu ở cột A thuộc kiểu câu nào ở cột B?

A	B
Bác An là nông dân.	Câu nêu đặc điểm
Bác đang gặt lúa.	Câu nêu hoạt động
Bác rất chăm chỉ và cẩn thận.	Câu giới thiệu

10. Chọn *dấu chấm* hoặc *dấu chấm hỏi* thay cho ô vuông.

Ăn gì trước?

Hai anh em vừa ăn bánh quy vừa trò chuyện:

Anh: – Nếu cái bánh này hình chiếc ô tô, em sẽ ăn phần nào trước□

Em: – Em sẽ ăn bốn cái bánh xe ạ□

Anh: – Tại sao vậy?

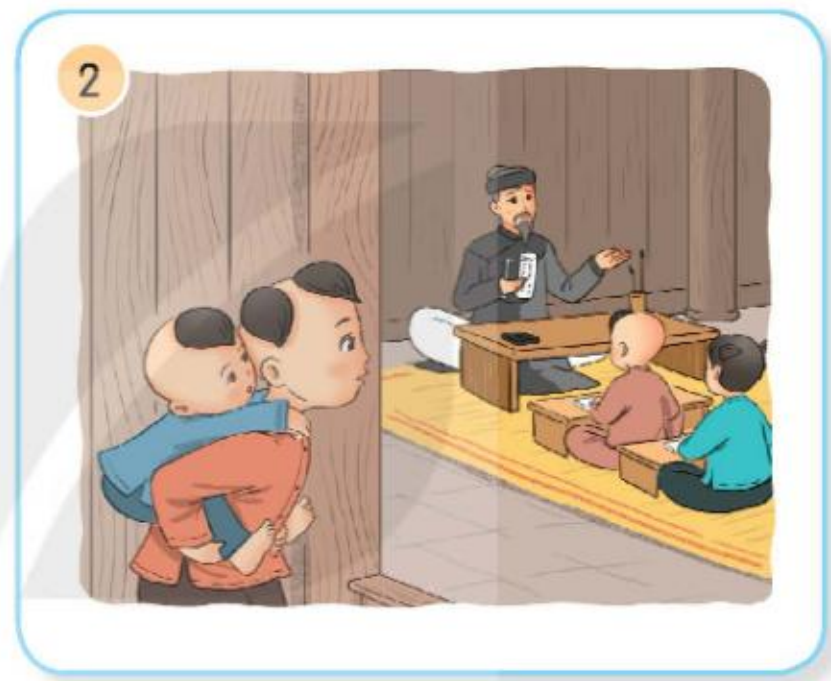
Em: – Em phải ăn bánh xe trước để cái xe không chạy được nữa. Nếu ăn các bộ phận khác, anh nghĩ cái xe chịu đứng yên cho em ăn nó hay sao?

(Trung Nguyên *sưu tầm*)

Tiết 7 – 8

11. Nhìn tranh và nói tên câu chuyện. Chọn kể một câu chuyện em thích.









12. Cùng bạn hỏi – đáp về những câu chuyện em và bạn vừa kể.

M: – Câu chuyện có mấy nhân vật?

– Bạn thích nhân vật nào?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tiết 9 – 10

13. Đọc câu chuyện sau:

CÂU CHUYỆN BÓ ĐŨA

Ngày xưa, ở một gia đình kia, có hai anh em. Lúc nhỏ, anh em rất hoà thuận. Khi lớn lên, anh có vợ, em có chồng. Tuy mỗi người một nhà nhưng vẫn hay va chạm.



Thấy các con không yêu thương nhau, người cha rất buồn phiền. Một hôm, ông đặt một bó đũa và một túi tiền lên mặt bàn rồi gọi các con lại và bảo:

– Ai bẻ gãy được bó đũa này thì cha thưởng cho túi tiền.



Bốn người con lần lượt bẻ bó đũa. Ai cũng cố hết sức mà không sao bẻ gãy được.

Người cha bèn cởi bó đũa ra, rồi thong thả bẻ gãy từng chiếc một cách dễ dàng. Thấy vậy, bốn người con cùng nói:



– Thưa cha, lấy từng chiếc mà bẻ thì có khó gì!

Người cha liền bảo:

– Đúng. Như thế là các con đều thấy rằng chia lẻ ra thì yếu, hợp lại thì mạnh. Vậy các con phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Có đoàn kết thì mới có sức mạnh.

(Theo *Ngụ ngôn Việt Nam*)



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

a. Khi lớn lên, tình cảm giữa anh và em như thế nào?

// hoà thuận // không thay đổi // không hoà thuận

b. Người cha nghĩ ra cách gì để khuyên bảo các con?

c. Vì sao bốn người con không bẻ gãy được bó đũa?

d. Người cha bẻ gãy bó đũa bằng cách nào?

e. Người cha muốn khuyên các con điều gì?

g. Tìm từ ngữ ở cột A phù hợp với nghĩa của nó ở cột B.

A	B
hoà thuận	buồn và lo nghĩ, không yên lòng
yêu thương	êm ấm, không có xích mích
buồn phiền	có tình cảm gắn bó tha thiết, quan tâm, chăm sóc hết lòng

h. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.



14. Viết 3 – 4 câu giới thiệu một đồ chơi hoặc một đồ dùng gia đình.

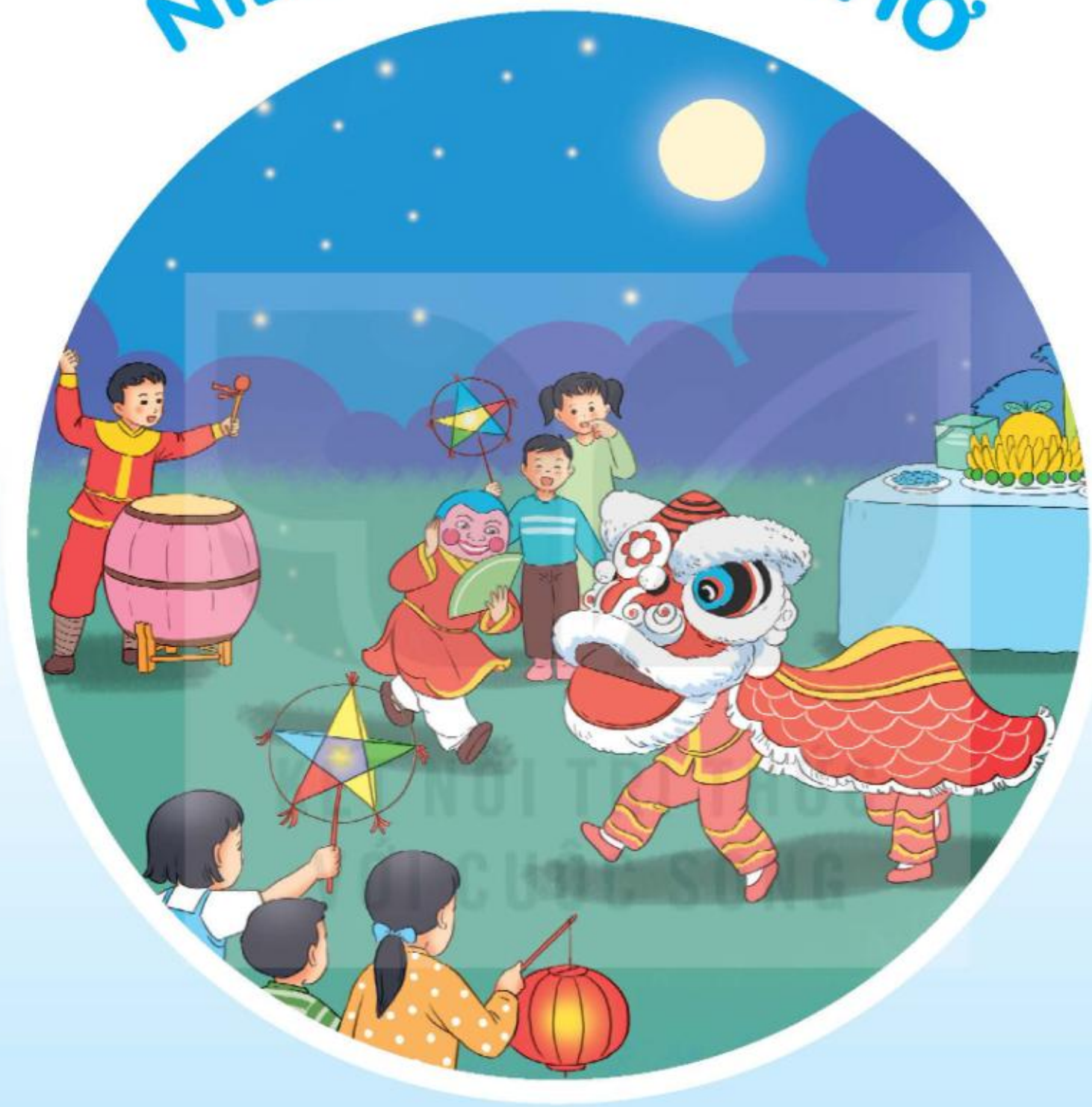
G:

– Đồ vật em muốn giới thiệu là gì?

– Đồ vật đó từ đâu mà có?

– Em có suy nghĩ gì về ích lợi của đồ vật đó?

NIỀM VUI TUỔI THƠ



Bài 17 GỌI BẠN

ĐỌC



Nói về một người bạn của em.



GỌI BẠN

Tự xa xưa thuở nào
Trong rừng xanh sâu thẳm
Đôi bạn sống bên nhau
Bê vàng và dê trắng.

Một năm, trời hạn hán
Suối cạn, cỏ héo khô
Lấy gì nuôi đôi bạn
Chờ mưa đến bao giờ?



Bê vàng đi tìm cỏ
Lang thang quên đường về
Dê trắng thương bạn quá
Chạy khắp nẻo tìm bê
Đến bây giờ dê trắng
Vẫn gọi hoài: "Bê! Bê!".

(Định Hải)

Từ ngữ

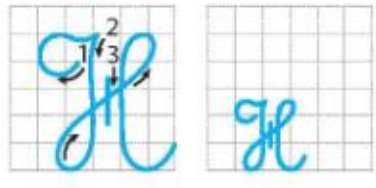
- *Sâu thẳm*: rất sâu.
- *Hạn hán*: tình trạng thiếu nước do nắng lâu, không mưa gây ra.
- *Lang thang*: đi hết chỗ này đến chỗ khác, không dừng lại ở nơi nào.

1. Câu chuyện được kể trong bài thơ diễn ra khi nào? Ở đâu?
2. Chuyện gì xảy ra khiến bê vàng phải lang thang đi tìm cỏ?
3. Khi bê vàng quên đường về, dê trắng đã làm gì?
4. Nêu cảm nghĩ của em về bê vàng và dê trắng.

* Học thuộc lòng 2 khổ thơ đầu.

1. Tìm từ ngữ thể hiện tâm trạng của dê trắng khi không thấy bạn trở về.
2. Đóng vai một người bạn trong rừng, nói lời an ủi dê trắng.

VIẾT

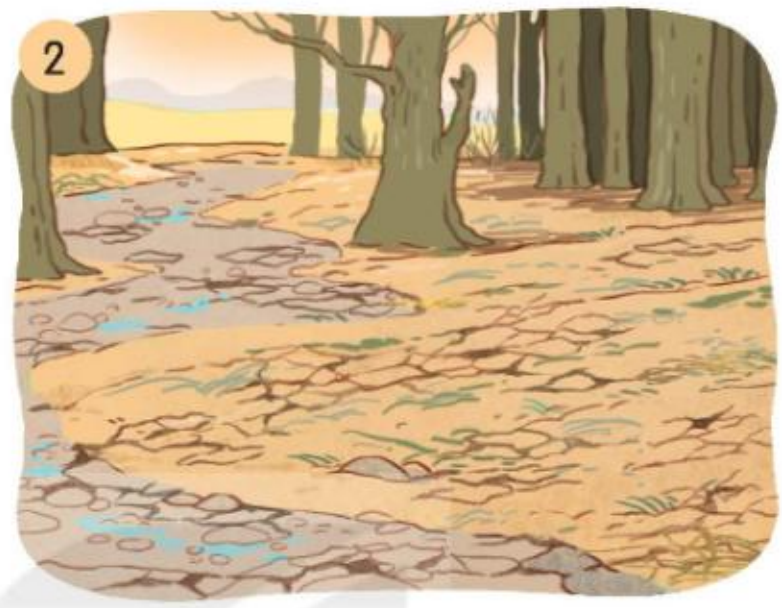
1. Viết chữ hoa: 
2. Viết ứng dụng: Học thầy không tày học bạn.

NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào tranh minh hoạ câu chuyện trong bài thơ *Gọi bạn* và gợi ý, nói về sự việc trong từng tranh.



Từ xa xưa, trong rừng xanh sâu thẳm, (...).



Một năm, trời hạn hán (...).



Bê vàng đi tìm cỏ, (...).

Dê trắng thương bạn, (...).



Đến bây giờ, dê trắng (...).

2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.

3. Kể tiếp đoạn kết của câu chuyện theo ý của em.

Viết 2 – 3 câu nêu nhận xét của em về đôi bạn bê vàng và dê trắng trong câu chuyện trên.

Bài 18

TỚ NHỚ CẬU

ĐỌC



1. Khi cùng chơi với bạn, em cảm thấy thế nào?
2. Khi xa bạn, em cảm thấy thế nào?



TỚ NHỚ CẬU



Kiến là bạn thân của sóc. Hằng ngày, hai bạn thường rủ nhau đi học. Thế rồi nhà kiến chuyển đến một khu rừng khác. Lúc chia tay, kiến rất buồn. Kiến nói: "Cậu phải thường xuyên nhớ tớ đấy.". Sóc gật đầu nhận lời.

Một buổi sáng, sóc lấy một tờ giấy và viết thư cho kiến. Sóc nắn nót ghi: "Tớ nhớ cậu.". Một cơn gió đi ngang qua mang theo lá thư. Chiều hôm đó, kiến đi dạo trong rừng. Một lá thư nhè nhẹ bay xuống. Kiến reo lên: "A, thư của sóc!".

Hôm sau, kiến ngồi bên thềm và viết thư cho sóc. Kiến không biết làm sao cho sóc biết mình rất nhớ bạn. Cậu viết: "Chào sóc!". Nhưng kiến không định chào sóc. Cậu bèn viết một lá thư khác: "Sóc thân mến!". Như thế vẫn không đúng ý của kiến. Lấy một tờ giấy mới, kiến ghi: "Sóc ơi!". Cứ thế, cậu cặm cụi viết đi viết lại trong nhiều giờ liền.

Không lâu sau, sóc nhận được một lá thư do kiến gửi đến. Thư viết: "Sóc ơi, tớ cũng nhớ cậu!".

(*Theo* Tun Te-le-gon)

Từ ngữ

– *Nắn nót*: viết rất cẩn thận cho đẹp.

– *Cặm cụi*: chăm chú, tập trung vào việc đang làm.

1. Khi chia tay sóc, kiến cảm thấy thế nào?
2. Sóc đồng ý với kiến điều gì?
3. Vì sao kiến phải viết lại nhiều lần lá thư gửi sóc?
4. Theo em, hai bạn sẽ cảm thấy thế nào nếu không nhận được thư của nhau?

1. Đóng vai sóc và kiến để nói và đáp lời chào lúc chia tay.
2. Em sẽ nói với bạn thế nào khi:

   – Bạn chuyển đến một ngôi trường khác.

   – Tan học, em về trước còn bạn ở lại chờ bố mẹ đón.



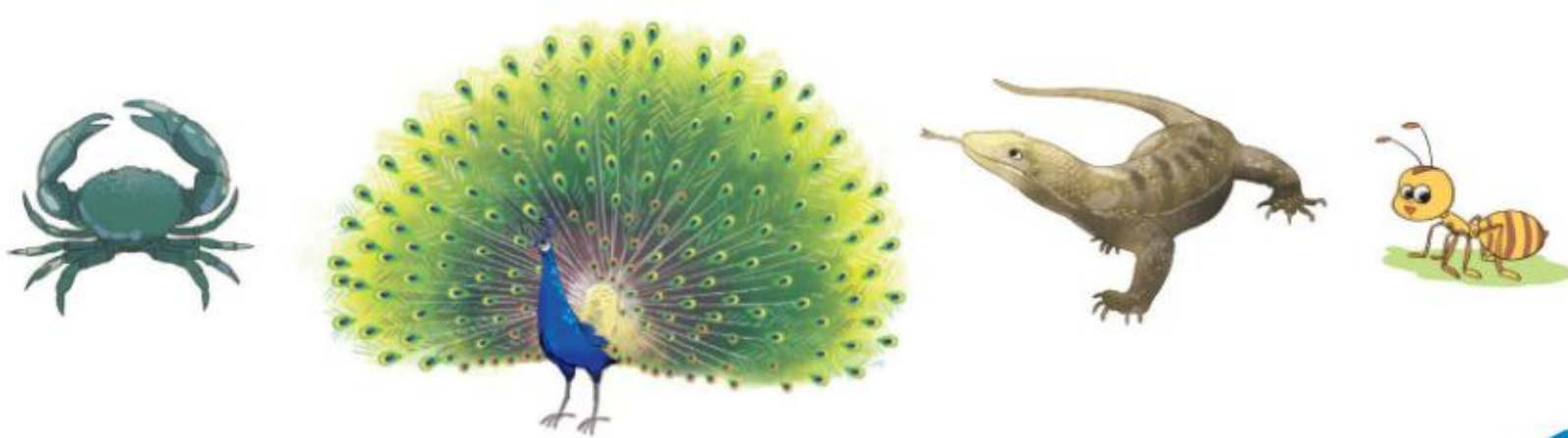
VIẾT

1. Nghe – viết:

Tớ nhớ cậu

Kiến là bạn thân của sóc. Hằng ngày, hai bạn rủ nhau đi học. Một ngày nọ, nhà kiến chuyển sang cánh rừng khác. Sóc và kiến rất buồn. Hai bạn tìm cách gửi thư cho nhau để bày tỏ nỗi nhớ.

2. Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *c* hoặc *k* gọi tên mỗi con vật trong hình.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn tiếng chứa *iêu* hoặc *ươu* thay cho ô vuông.

(*hươu, nhiều, khướu*)

Sóc hái rất ▨ hoa để tặng bạn bè. Nó tặng ▨ cao cổ một bó hoa thiên điểu rực rỡ. Còn chim ▨ và chim liếu điếu được sóc tặng một bó hoa bồ công anh nhẹ như bông.

b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *en* hoặc *eng*.

M:

en	M: dế mèn
eng	M: cái xẻng

LUYỆN TẬP

1. Tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè.

M: quý mến

2. Chọn từ trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.

(*nhớ, tươi vui, thân thiết, vui đùa*)

Cá nhỏ và nòng nọc là đôi bạn ▨. Hằng ngày, chúng cùng nhau bơi lội. Thế rồi nòng nọc trở thành ếch. Nó phải lên bờ để sinh sống. Nhưng nó vẫn ▨ cá nhỏ. Thỉnh thoảng, nó nhảy xuống ao ▨ cùng cá nhỏ.

3. Chọn câu ở cột A phù hợp với ý ở cột B. Nói tên dấu câu đặt cuối mỗi câu.

A	B
Hằng ngày, hai bạn thường rủ nhau đi học.	Hỏi điều chưa biết
Vì sao lúc chia tay sóc, kiến rất buồn?	Kể lại sự việc
Sóc ơi, tớ cũng nhớ cậu!	Bộc lộ cảm xúc

1. Nói về việc làm của các bạn trong mỗi tranh.



2. Viết 3 – 4 câu kể về một hoạt động em tham gia cùng các bạn.

G:

- Em đã tham gia hoạt động gì cùng các bạn? (học tập, vui chơi,…)
- Hoạt động đó diễn ra ở đâu? Có những bạn nào cùng tham gia?
- Em và các bạn đã làm những việc gì?
- Em cảm thấy thế nào khi tham gia hoạt động đó?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ về tình bạn. Khi đọc, chú ý những thông tin sau:

a. Tên của bài thơ.

b. Tên của tác giả.

2. Nói về những điều em thích trong bài thơ đó.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 11

Bài 19 CHỮ A VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN

ĐỌC



Qua tên bài và tranh minh hoạ, đoán nội dung bài đọc.





CHỮ A VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN

Tôi là chữ A. Từ lâu, tôi đã nổi tiếng. Hễ nhắc đến tên tôi, ai cũng biết. Khi vui sướng quá, người ta thường reo lên tên tôi. Khi ngạc nhiên, sửng sốt, người ta cũng gọi tên tôi.

Tôi đứng đầu bảng chữ cái tiếng Việt. Trong bảng chữ cái của nhiều nước, tôi cũng được người ta trân trọng xếp ở đầu hàng. Hằng năm, cứ đến ngày khai trường, rất nhiều trẻ em làm quen với tôi trước tiên.

Tôi luôn mơ ước chỉ mình tôi làm ra một cuốn sách. Nhưng rồi, tôi nhận ra rằng, nếu chỉ một mình, tôi chẳng thể nói được với ai điều gì. Một cuốn sách chỉ toàn chữ A không thể là cuốn sách mà mọi người muốn đọc. Để có cuốn sách hay, tôi cần các bạn B, C, D, Đ, E,...

Chúng tôi luôn ở bên nhau và cần có nhau trên những trang sách.

Các bạn nhỏ hãy gặp chúng tôi hằng ngày nhé!

(*Theo* Trần Hoài Dương)



1. Trong bảng chữ cái tiếng Việt, chữ A đứng ở vị trí nào?
2. Chữ A mơ ước điều gì?
3. Chữ A nhận ra điều gì?
4. Chữ A muốn nhắn nhủ điều gì với các bạn?

a. Chăm viết chữ cái

b. Chăm đọc sách

c. Chăm xếp các chữ cái

1. Nói tiếp lời của chữ A để cảm ơn các bạn chữ:

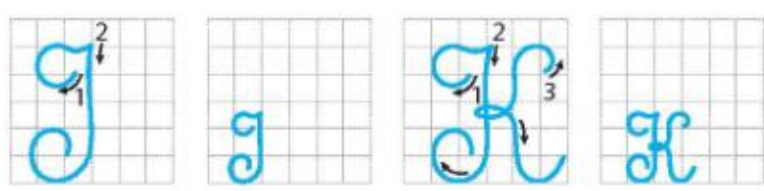
Cảm ơn các bạn. Nhờ có các bạn, chúng ta đã (...).

2. Những từ nào dưới đây chỉ cảm xúc?

vui sướng | ngạc nhiên | nổi tiếng

VIẾT

1. Viết chữ hoa:



2. Viết ứng dụng: Kiến tha lâu cũng đầy tổ.

NÓI VÀ NGHE

Niềm vui của em

1. Quan sát tranh và nói về niềm vui của các nhân vật trong mỗi tranh.



2. Niềm vui của em là gì? Điều gì làm em không vui? Hãy chia sẻ cùng các bạn.

Nói chuyện với người thân về niềm vui của từng thành viên trong gia đình em.

Bài 20

NHÍM NÂU KẾT BẠN

ĐỌC



1. Hãy kể những đức tính tốt của bạn em.
2. Em muốn học tập những đức tính nào của bạn?





NHÍM NÂU KẾT BẠN

Trong khu rừng nọ, có chú nhím nâu hiền lành, nhút nhát. Một buổi sáng, chú đang kiếm quả cây thì thấy nhím trắng chạy tới. Nhím trắng vồn vã: "Chào bạn! Rất vui được gặp bạn!". Nhím nâu lúng túng, nói lí nhí: "Chào bạn!", rồi nấp vào bụi cây. Chú cuộn tròn người lại mà vẫn sợ hãi.

Mùa đông đến, nhím nâu đi tìm nơi để trú ngụ. Bất chợt, mưa kéo đến. Nhím nâu vội bước vào cái hang nhỏ. Thì ra là nhà nhím trắng. Nhím nâu run run: "Xin lỗi, tôi không biết đây là nhà của bạn.". Nhím trắng tươi cười: "Đừng ngại! Gặp lại bạn, tôi rất vui. Tôi ở đây một mình, buồn lắm. Bạn ở lại cùng tôi nhé!".

"Nhím trắng tốt bụng quá. Bạn ấy nói đúng, không có bạn bè thì thật buồn.". Nghĩ thế, nhím nâu mạnh dạn hẳn lên. Chú nhận lời kết bạn với nhím trắng. Cả hai cùng thu dọn, trang trí chỗ ở cho đẹp. Chúng trải qua những ngày vui vẻ, ấm áp vì không phải sống một mình giữa mùa đông lạnh giá.

(*Theo* Minh Anh)



Từ ngữ

– *Vồn vã*: niềm nở, nhiệt tình khi trò chuyện với người khác.

– *Trú ngụ*: sinh sống tạm ở một nơi nào đó.

1. Chi tiết nào cho thấy nhím nâu rất nhút nhát?
2. Kể về những lần nhím trắng và nhím nâu gặp nhau.
3. Theo em, vì sao nhím nâu nhận lời kết bạn cùng nhím trắng?
4. Nhờ đâu nhím trắng và nhím nâu có những ngày mùa đông vui vẻ, ấm áp?

1. Đóng vai nhím trắng, nhím nâu trong lần gặp lại để nói tiếp các câu:



2. Đóng vai Bình và An để nói và đáp lời xin lỗi trong tình huống: Bình vô tình va vào An, làm An ngã.

VIẾT

1. Nghe – viết:

Nhím nâu kết bạn

Thấy nhím trắng tốt bụng, nhím nâu đã nhận lời kết bạn. Cả hai cùng trang trí chỗ ở cho đẹp. Chúng trải qua những ngày vui vẻ, ấm áp vì không phải sống một mình giữa mùa đông lạnh giá.

2. Chọn *g* hoặc *gh* thay cho ô vuông.

– Suối ▨ặp bạn rồi
▨óp thành sông lớn.
Sông đi ra biển
Biển thành mênh mông.
(*Theo* Nguyễn Bao)

– Quả ▨ấc nào mà chín
Cũng ▨ặp được mặt trời.
(*Theo* Nguyễn Đức Quang)

– Nắng ▨é vào cửa lớp
Xem chúng em học bài.
(*Theo* Nguyễn Xuân Sanh)

3. Chọn a hoặc b.

a. Tìm từ có tiếng chứa *iu* hoặc *ưu*.

M: *iu*: lìu lo

ưu: lưu luyến

b. Tìm từ có tiếng chứa *iên* hoặc *iêng*.

M: *iên*: hiền lành

iêng: siêng năng

LUYỆN TẬP

1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp:

nhường bạn | hiền lành | giúp đỡ | chia sẻ | chăm chỉ | tươi vui

a. Từ ngữ chỉ hoạt động

b. Từ ngữ chỉ đặc điểm

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Chọn từ ngữ chỉ hoạt động đã tìm được ở bài tập 1 thay cho ô vuông.

a. Mẹ cho Hải cái bánh rất ngon. Hải mang đến cho Hà và Xuân cùng ăn. Mẹ khen: "Con biết ▨ cùng bạn bè rồi đấy.".



b. Biết Hải ốm, phải nghỉ học, Xuân mang sách vở sang, giảng bài cho bạn. Hải xúc động vì bạn đã ▨ khi mình bị ốm.



c. Hải và Xuân đều muốn ngồi bàn đầu. Nhưng ở đó chỉ còn một chỗ. Xuân xin cô cho Hải được ngồi chỗ mới. Cô khen Xuân đã biết ▨.



3. Đặt một câu về hoạt động của các bạn trong tranh.





M: Bạn Lan cho bạn Hải mượn bút.





1. Kể tên một số hoạt động của học sinh trong giờ ra chơi.



2. Viết 3 – 4 câu kể về một giờ ra chơi ở trường em.

G:

– Trong giờ ra chơi, em và các bạn thường chơi ở đâu?

– Em và các bạn thường chơi trò chơi gì?

– Em thích hoạt động nào nhất?

– Em cảm thấy thế nào sau mỗi giờ ra chơi?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc các bài viết về hoạt động của học sinh ở trường.
2. Nói với bạn về hoạt động em yêu thích.

– Tên của hoạt động là gì?
– Những ai đã tham gia hoạt động đó?
– Điều bạn thích nhất ở hoạt động đó là gì?



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 21 THẢ DIỀU

ĐỌC



1. Các bạn trong tranh đang chơi trò chơi gì?
2. Em biết gì về trò chơi này?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG



THẢ DIỀU

(Trích)

Cánh diều no gió
Sáo nó thổi vang
Sao trời trôi qua
Diều thành trăng vàng.

Cánh diều no gió
Tiếng nó trong ngần
Diều hay chiếc thuyền
Trôi trên sông Ngân.

Cánh diều no gió
Tiếng nó chơi vơi
Diều là hạt cau
Phơi trên nong trời.

Trời như cánh đồng
Xong mùa gặt hái
Diều em – lưỡi liềm
Ai quên bỏ lại.

Cánh diều no gió
Nhạc trời réo vang
Tiếng diều xanh lúa
Uốn cong tre làng.

(Trần Đăng Khoa)

Từ ngữ

– *Sông Ngân* (dải Ngân Hà): dải trắng bạc, vắt ngang bầu trời, được tạo nên từ nhiều ngôi sao, trông giống một con sông.

– *Nong*: vật dụng làm từ tre nứa, có hình tròn, dùng để phơi thóc lúa.

1. Kể tên những sự vật giống cánh diều được nhắc tới trong bài thơ.



2. Hai câu thơ "Sao trời trôi qua/ Diều thành trăng vàng" tả cánh diều vào lúc nào?

a. Vào buổi sáng

b. Vào buổi chiều

c. Vào ban đêm

3. Khổ thơ cuối bài muốn nói điều gì?

a. Cánh diều làm thôn quê đông vui hơn.

b. Cánh diều làm thôn quê giàu có hơn.

c. Cánh diều làm cảnh thôn quê tươi đẹp hơn.

4. Em thích nhất khổ thơ nào trong bài? Vì sao?

* Học thuộc lòng khổ thơ em thích.

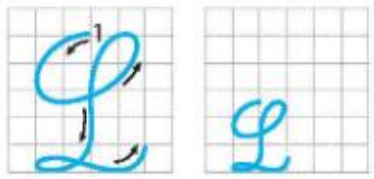
1. Từ ngữ nào được dùng để nói về âm thanh của sáo diều?



2. Dựa theo khổ thơ thứ tư, nói một câu tả cánh diều.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VIẾT

1. Viết chữ hoa: 

2. Viết ứng dụng: Làng quê xanh mát bóng tre.

NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

Chúng mình là bạn

(Theo *Tuyển tập truyện, thơ, câu đố Mầm non*)



Trong câu chuyện, những bạn nào chơi thân với nhau?

Ba bạn thường kể cho nhau nghe những gì?



Ba bạn nghĩ ra cách gì để tận mắt thấy những điều đã nghe?

Ếch ộp, sơn ca và nai vàng đã rút ra được bài học gì?

2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.



Kể cho người thân nghe câu chuyện *Chúng mình là bạn*.

Bài 22

TỚ LÀ LÊ-GÔ

ĐỌC

Nói tên một số đồ chơi của em. Em thích đồ chơi nào nhất?



TỚ LÀ LÊ-GÔ

Tớ là lê-gô. Nhiều bạn gọi tớ là đồ chơi lắp ráp. Các bạn có nhận ra tớ không?



Để tớ giới thiệu với các bạn về gia đình của tớ nhé. Tớ có rất nhiều anh chị em. Chúng tớ là những khối nhỏ đầy màu sắc. Hầu hết chúng tớ có hình viên gạch. Một số thành viên có hình nhân vật tí hon và các hình xinh xắn khác.



Từ những mảnh ghép nhỏ bé, chúng tớ kết hợp với nhau để tạo ra cả một thế giới kì diệu. Các bạn có thể lắp ráp nhà cửa, xe cộ, người máy,... theo ý thích. Sau đó, các bạn tháo rời ra để ghép thành những vật khác.

Chúng tớ giúp các bạn có trí tưởng tượng phong phú, khả năng sáng tạo và tính kiên nhẫn. Nào, các bạn đã sẵn sàng chơi cùng chúng tớ chưa?

(Bảo Châu)



Từ ngữ

Lắp ráp: lắp các bộ phận vào với nhau cho đúng vị trí để tạo nên một vật hoàn chỉnh.

1. Đồ chơi lê-gô còn được các bạn nhỏ gọi là gì?
2. Nêu cách chơi lê-gô.
3. Trò chơi lê-gô đem lại lợi ích gì?
4. Chọn nội dung phù hợp với mỗi đoạn trong bài đọc.

Đoạn 1	a. Hướng dẫn cách chơi lê-gô
Đoạn 2	b. Nói về lợi ích của việc chơi lê-gô
Đoạn 3	c. Giới thiệu tên gọi lê-gô
Đoạn 4	d. Tả đặc điểm lê-gô

1. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của những khối lê-gô.
2. Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.

VIẾT

1. Nghe – viết:

Đồ chơi yêu thích

Tớ rất thích các đồ chơi truyền thống như diều, chong chóng, đèn ông sao. Tớ cũng thích các đồ chơi hiện đại như lê-gô, ô tô điều khiển từ xa, siêu nhân. Đồ chơi nào tớ cũng giữ gìn cẩn thận.

2. Chọn *ng* hoặc *ngh* thay cho ô vuông.

a. Dù ai nói ▨ả nói ▨iêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

b. ▨ười không học như ▨ọc không mài.

c. Mấy cậu bạn đang ▨ó ▨iêng tìm chỗ chơi đá cầu.

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

▨ung thu ▨ung sức ▨ong ▨óng ▨ong xanh

b. Chọn *uôn* hoặc *uông* thay cho ô vuông.



ch▨ gió



ch▨ ch▨



c▨ chỉ

LUYỆN TẬP

1. Tìm từ ngữ gọi tên các đồ chơi có trong bức tranh bên.



2. Sắp xếp từ ngữ thành câu và viết câu vào vở.

a. rất, mềm mại, chú gấu bông

b. sặc sỡ, có nhiều màu sắc, đồ chơi lê-gô

c. xinh xắn, bạn búp bê, và dễ thương

3. Đặt một câu nêu đặc điểm của một đồ chơi.

1. Giới thiệu các đồ chơi mà trẻ em yêu thích.



2. Viết 3 – 4 câu giới thiệu một đồ chơi mà trẻ em yêu thích.

G:

(3) Em có nhận xét gì về đồ chơi đó?

Giới thiệu một đồ chơi

(1) Em muốn giới thiệu đồ chơi nào?

(2) Đồ chơi đó có đặc điểm gì nổi bật? (chất liệu, hình dạng, màu sắc,...)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc các bài hướng dẫn tổ chức trò chơi hoặc hoạt động tập thể.

2. Ghi lại các bước tổ chức một trò chơi hoặc hoạt động tập thể em yêu thích.



Tên trò chơi hoặc hoạt động.

Các bước thực hiện.

Tuần 13

Bài 23 RỒNG RẮN LÊN MÂY

ĐỌC



Em biết gì về trò chơi *Rồng rắn lên mây*?





RỒNG RẮN LÊN MÂY

Rồng rắn lên mây là một trò chơi vui nhộn. Năm, sáu bạn túm áo nhau làm rồng rắn. Một bạn làm thầy thuốc, đứng đối diện với rồng rắn.

Rồng rắn vừa đi vòng vèo vừa hát:

Rồng rắn lên mây
Thấy cây núc nác
Hỏi thăm thầy thuốc
Có nhà hay không?

Nếu thầy nói "không" thì rồng rắn đi tiếp. Nếu thầy nói "có" thì rồng rắn hỏi xin thuốc cho con và đồng ý cho thầy bắt khúc đuôi.



Thầy thuốc tìm cách bắt khúc đuôi. Bạn làm đầu dang tay cản thầy thuốc, bạn làm đuôi tìm cách tránh thầy. Nếu bạn khúc đuôi để thầy bắt được thì đổi vai làm thầy thuốc. Nếu bạn khúc giữa để đứt thì đổi vai làm đuôi. Trò chơi cứ thế tiếp tục.

(Vũ Thanh *tổng hợp*)

Từ ngữ

– *Cây núc nác*: một loại cây to, quả dài, vỏ và hạt dùng làm thuốc.

– *Cản*: ngăn lại, giữ lại.

1. Những người chơi làm thành rồng rắn bằng cách nào?
2. Rồng rắn đến gặp thầy thuốc để làm gì?
3. Chuyện gì xảy ra nếu khúc đuôi bị thầy bắt?
4. Nếu bạn khúc giữa bị đứt thì bạn đó phải làm gì?

1. Nói tiếp để hoàn thành câu:

a. Nếu thầy nói "không" thì (…).

b. Nếu thầy nói "có" thì (…).

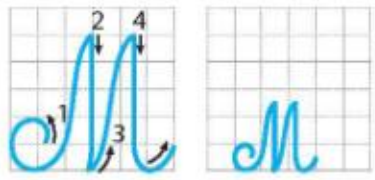
c. Nếu bạn khúc đuôi để thầy bắt được thì (…).

d. Nếu bạn khúc giữa để đứt thì (…).

2. Đặt một câu nói về trò chơi em thích.

M: Rồng rắn lên mây là một trò chơi vui nhộn.

VIẾT

1. Viết chữ hoa: 

2. Viết ứng dụng: Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.

NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

Búp bê biết khóc

(Theo *Thư viện Trường Mầm non Hoa Mai*)



Khi tròn 6 tuổi, Hoa được tặng quà gì? Hoa yêu thích món quà đó thế nào?



Khi tròn 7 tuổi, Hoa được tặng quà gì? Hoa đã làm gì với món quà cũ?



Hoa nằm mơ thấy gì?



Hoa đã làm gì với hai đồ chơi của mình?

2. Nghe kể chuyện.

3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.

Kể về bạn Hoa trong câu chuyện *Búp bê biết khóc* cho người thân nghe.

Bài 24

NẶN ĐỒ CHƠI

ĐỌC

Kể tên các trò chơi em biết.



NẶN ĐỒ CHƠI

Bên thềm gió mát,
Bé nặn đồ chơi.
Mèo nằm vẫy đuôi,
Tròn xoe đôi mắt.

Đây là quả thị,
Đây là quả na,
Quả này phần mẹ,
Quả này phần cha.

Đây chiếc cối nhỏ
Bé nặn thật tròn,
Biếu bà đấy nhé,
Giã trầu thêm ngon.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Đây là thằng chuột
Tặng riêng chú mèo,
Mèo ta thích chí
Vểnh râu "meo meo"!

Ngoài hiên đã nắng,
Bé nặn xong rồi.
Đừng sờ vào đấy,
Bé còn đang phơi.

(Nguyễn Ngọc Ký)

Từ ngữ

– *Cối giã trầu*: đồ để giã trầu, thường làm bằng đồng.
– *Thích chí*: tỏ ra bằng lòng, vui thích vì đúng ý muốn.

1. Kể tên những đồ chơi bé đã nặn.

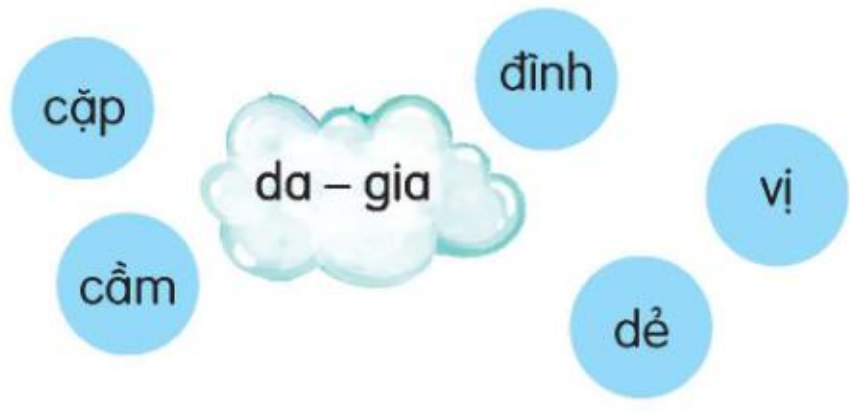


2. Bé nặn đồ chơi để tặng cho những ai?
3. Việc bé nặn đồ chơi tặng mọi người thể hiện điều gì?
4. Em thích nặn đồ chơi gì? Để tặng cho ai?

1. Tìm từ ngữ cho biết chú mèo rất vui vì được bé tặng quà.
2. Tìm thêm từ ngữ chỉ cảm xúc vui mừng.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Nặn đồ chơi* (3 khổ thơ đầu).
2. Ghép *da* hoặc *gia* với các tiếng sau để tạo thành từ ngữ đúng. Viết 3 từ ngữ vào vở.



M: cặp da

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn từ ngữ thích hợp thay cho ô vuông.



Kéo cưa ▨ (*lừa sẻ/ lừa xẻ*)



Múa ▨ (*sạp/ xạp*)

b. Chọn *ươn* hoặc *ương* thay cho ô vuông.

– Con đ▨ uốn l▨ quanh s▨ núi.

– Hoa h▨ d▨ v▨ mình đón ánh nắng mặt trời.

LUYỆN TẬP

1. Giới thiệu về một đồ chơi có trong hình theo mẫu sau:

Đồ chơi	Đặc điểm
quả bóng	màu xanh pha trắng



2. Cần đặt *dấu phẩy* vào vị trí nào trong mỗi câu sau?

M: Chú thỏ bông rất mềm mại, dễ thương.

a. Em thích đồ chơi ô tô máy bay.

b. Bố dạy em làm đèn ông sao diều giấy.

c. Các bạn đá bóng đá cầu nhảy dây trên sân trường.

3. Cần đặt *dấu phẩy* vào vị trí nào trong câu in nghiêng?

Hôm nay là sinh nhật của Chi. *Chi nhận được bao nhiêu là quà: búp bê hộp đựng bút đồng hồ báo thức và chiếc nơ hồng.* Chi rất vui và cảm động.

1. Kể tên những đồ chơi của em. Em thích đồ chơi nào nhất? Vì sao?

2. Viết 3 – 4 câu tả một đồ chơi của em.

G:



ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ hoặc một bài đồng dao về một đồ chơi, trò chơi.

2. Nói với bạn:

– Tên của đồ chơi, trò chơi

– Cách chơi đồ chơi, trò chơi đó



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MÁI ẤM GIA ĐÌNH



Tuần 14

Bài 25

SỰ TÍCH HOA TỈ MUỘI

ĐỌC



Nói về những việc anh chị thường làm cho em.



SỰ TÍCH HOA TỈ MUỘI

Ngày xưa, có hai chị em Nết và Na mồ côi cha mẹ, sống trong ngôi nhà nhỏ bên sườn núi. Nết thương Na, cái gì cũng nhường em. Đêm đông, gió ù ù lùa vào nhà, Nết vòng tay ôm em:

– Em rét không?

Na ôm choàng lấy chị, cười rúc rích:

– Ấm quá!

Nết ôm em chặt hơn, thầm thì:

– Mẹ bảo chị em mình là hai bông hoa hồng, chị là bông to, em là bông nhỏ. Chị em mình mãi bên nhau nhé!

Na gật đầu. Hai chị em cứ thế ôm nhau ngủ.



Năm ấy, nước lũ dâng cao, Nết cõng em chạy theo dân làng đến nơi an toàn. Hai bàn chân Nết rớm máu. Thấy vậy, Bụt thương lắm. Bụt liền phẩy chiếc quạt thần. Kì lạ thay, bàn chân Nết bỗng lành hẳn. Nơi bàn chân Nết đi qua mọc lên những khóm hoa đỏ thắm. Hoa kết thành chùm, bông hoa lớn che chở cho nụ hoa bé nhỏ. Chúng cũng đẹp như tình chị em của Nết và Na.

Dân làng đặt tên cho loài hoa ấy là hoa tỉ muội.

(*Theo* Trần Mạnh Hùng)

Từ ngữ

– *Hoa tỉ muội*: một loại hoa hồng, mọc thành chùm với rất nhiều nụ.

– *Tỉ muội* (từ Hán Việt): chị em gái (*tỉ*: chị gái, *muội*: em gái).

1. Tìm những chi tiết cho thấy chị em Nết, Na sống bên nhau rất đầm ấm.
2. Nước lũ dâng cao, chị Nết đưa Na đến nơi an toàn bằng cách nào?
3. Nói về điều kì lạ xảy ra khi Nết cõng em chạy lũ.
4. Theo em, vì sao dân làng đặt tên loài hoa ấy là hoa tỉ muội?



1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.

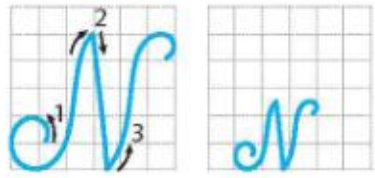
đỏ thắm | bé nhỏ | chạy theo | cõng | đẹp | đi qua | cao | gật đầu

a. Từ ngữ chỉ hoạt động

b. Từ ngữ chỉ đặc điểm

2. Đặt một câu nói về việc chị Nết đã làm cho em Na.

VIẾT

1. Viết chữ hoa: 

2. Viết ứng dụng: Nói lời hay, làm việc tốt.

NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

Hai anh em

(Theo *Tiếng Việt 2*, NXB Giáo dục, 2006)



Lúc đầu, hai anh em đã chia lúa thế nào?



Người em nghĩ gì và chia lại lúa ra sao?



Người anh nghĩ gì và đã làm gì để chia lại lúa?



Vì sao hai anh em đều xúc động?

2. Nghe kể chuyện.

3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.



Kể cho người thân nghe những sự việc cảm động trong câu chuyện *Hai anh em*.

Bài 26

EM MANG VỀ YÊU THƯƠNG

ĐỌC



Nói về một em bé mà em biết.





EM MANG VỀ YÊU THƯƠNG

Mẹ, mẹ ơi em bé
Từ đâu đến nhà ta
Nụ cười như tia nắng
Bàn tay như nụ hoa
Bước chân đi lẫm chẫm
Tiếng cười vang sân nhà?

Hay bé từ sao xuống
Hay từ biển bước lên
Hay bé trong quả nhãn
Ông trồng cạnh hàng hiên?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Hay bé theo cơn gió
Nằm cuộn tròn trong mây
Rồi biến thành giọt nước
Rơi xuống nhà mình đây?

Mỗi sáng em thức giấc
Là như thể mây, hoa
Cùng nắng vàng biển rộng
Mang yêu thương vào nhà.

(Minh Đăng)

Từ ngữ

Lẫm chẫm: dáng đi chưa vững của em bé.

1. Bạn nhỏ đã hỏi mẹ điều gì?
2. Trong khổ thơ đầu, bạn nhỏ tả em của mình như thế nào?
3. Trong khổ thơ thứ hai và thứ ba, bạn nhỏ đoán em bé từ đâu đến?



a. ngôi sao



b. mặt biển



c. đám mây



d. nụ hoa



e. quả nhãn

4. Em bé mang đến những gì cho gia đình bạn nhỏ?
   a. Nắng vàng và biển rộng
   b. Tình yêu thương
   c. Mây và hoa

1. Tìm thêm các từ ngữ tả em bé.
   M: bụ bẫm
2. Đặt một câu với từ ngữ em tìm được ở bài tập 1.
   M: Bé Hà rất bụ bẫm.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Em mang về yêu thương* (2 khổ thơ đầu).

2. Chọn *iên, yên* hoặc *uyên* thay cho ô vuông.

– Ngoài h▨, trời lặng gió.

– Hàng cây đứng lặng ▨ giữa trưa hè oi ả.

– Chim vành kh▨ cất vang tiếng hót.

3. Chọn a hoặc b.

a. Chọn tiếng thích hợp thay cho ô vuông.

(*dắt/ rắt*) – Mẹ ▨ em đến trường.

– Tiếng sáo diều réo ▨.

(*gieo/ reo*) – Em bé ▨ lên khi thấy mẹ về.

– Chị Bống cẩn thận ▨ hạt vào chậu đất nhỏ.

b. Nhìn tranh, tìm từ ngữ chứa *ai* hoặc *ay*.
Viết các từ tìm được vào vở.



LUYỆN TẬP

1. Tìm từ phù hợp thay cho ô vuông.

a. Em trai của mẹ gọi là ▨.

b. Em trai của bố gọi là ▨.

c. Em gái của mẹ gọi là ▨.

d. Em gái của bố gọi là ▨.

2. Tìm các từ ngữ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ dưới đây:

Bà ơi hãy ngủ
Có cháu ngồi bên
Căn nhà vắng vẻ
Khu vườn lặng im.
Hương bưởi hương cau
Lẫn vào tay quạt
Cho bà nằm mát
Giữa vòng gió thơm.

(Quang Huy)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm. Chọn viết 2 câu vào vở.

A	B
Đôi mắt em bé	mượt mà.
Mái tóc của mẹ	trầm ấm.
Giọng nói của bố	đen láy.

1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Khi tôi còn bé tí, tôi ở nhà với ông ngoại cả ngày để bố mẹ đi làm. Ông thường kể cho tôi nghe rất nhiều truyện cổ tích. Ông dạy tôi vẽ rất nhiều con vật: voi, hổ, hươu, nai, sóc,... Ông còn dạy tôi vẽ cả ông mặt trời, dòng sông, con thuyền,... Mỗi khi ông có việc đi đâu, tôi rất nhớ ông và mong ông sớm về với tôi.

a. Trong đoạn văn trên, bạn nhỏ kể về ai?

b. Người đó đã làm những gì cho bạn nhỏ?

c. Câu nào thể hiện rõ nhất tình cảm của bạn nhỏ đối với người đó?

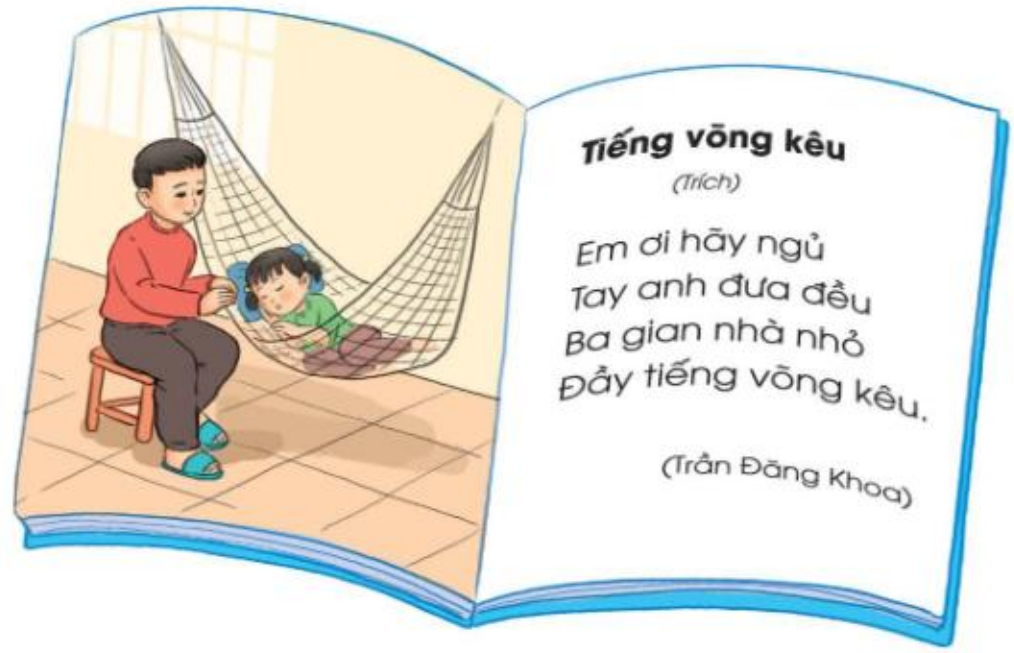
2. Viết 3 – 4 câu kể về một việc người thân đã làm cho em.

G:

- Người thân mà em muốn kể là ai?
- Người thân của em đã làm việc gì cho em?
- Em có suy nghĩ gì về việc người thân đã làm?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc bài thơ về tình cảm anh chị em trong nhà.
2. Đọc cho bạn nghe những câu thơ em thích.



Tiếng võng kêu

(Trích)

Em ơi hãy ngủ
Tay anh đưa đều
Ba gian nhà nhỏ
Đầy tiếng võng kêu.

(Trần Đăng Khoa)

Bài 27 MẸ

ĐỌC

Hãy kể cho bạn nghe một việc mà mẹ hoặc người thân đã làm để chăm sóc em.



MẸ

Lặng rồi cả tiếng con ve
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
Nhà em vẫn tiếng ạ ời
Kẽo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru.
Lời ru có gió mùa thu
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

(Trần Quốc Minh)

Từ ngữ

- *Nắng oi*: nắng nóng và không có gió, gây khó chịu.
- *Giấc tròn*: giấc ngủ ngon (ngủ say), không thức giấc.

1. Trong đêm hè oi bức, mẹ đã làm gì để con ngủ ngon?
2. Những dòng thơ nào cho thấy mẹ đã thức rất nhiều vì con?
3. Theo em, câu thơ cuối bài muốn nói điều gì?
   a. Có mẹ quạt mát, con ngủ ngon lành.
   b. Tay mẹ quạt mát hơn cả gió trời.
   c. Mẹ là niềm hạnh phúc của cuộc đời con.
4. Nói một câu thể hiện lòng biết ơn của em đối với cha mẹ.

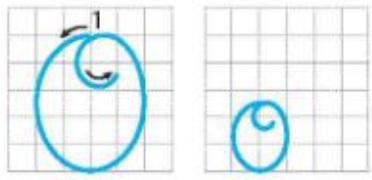


* Học thuộc lòng 6 dòng thơ cuối.

1. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động có trong bài thơ.
2. Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.

VIẾT

1. Viết chữ hoa:



2. Viết ứng dụng: Ong chăm chỉ tìm hoa làm mật.

NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

Sự tích cây vú sữa

(Theo *Tiếng Việt 2*, NXB Giáo dục, 2006)



Bị mẹ mắng, cậu bé làm gì?



Cậu bé làm gì khi quay về nhà?



Thấy cậu bé khóc, cây xanh đã biến đổi thế nào?



Nhìn lên tán lá, cậu bé nghĩ đến điều gì?

2. Nghe kể chuyện.

3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.



Theo em, nếu được gặp lại mẹ, cậu bé trong câu chuyện sẽ nói gì?

Bài 28

TRÒ CHƠI CỦA BỐ

ĐỌC



Em thích chơi trò chơi gì cùng bố mẹ?



TRÒ CHƠI CỦA BỐ



Bố luôn dành cho Hường những điều ngạc nhiên. Lúc rảnh rỗi, hai bố con ngồi chơi với nhau như đôi bạn cùng tuổi.

Có lần, hai bố con chơi trò chơi "ăn cỗ". Hường đưa cái bát nhựa cho bố:

– Mời bác xơi!

Bố đỡ bằng hai tay hẳn hoi và nói:

– Xin bác. Mời bác xơi!

– Bác xơi nữa không ạ?

– Cảm ơn bác! Tôi đủ rồi.

Hai bố con cùng phá lên cười. Lát sau, hai bố con đổi cho nhau. Bố hỏi:

– Bác xơi gì ạ?

– Dạ, xin bác bát miến ạ.

– Đây, mời bác.

Hường đưa tay ra cầm lấy cái bát nhựa. Bố bảo:

– Ấy, bác phải đỡ bằng hai tay. Tôi đưa cho bác bằng hai tay cơ mà!

Năm nay, bố đi công tác xa. Đến bữa ăn, nhìn hai bàn tay của Hường lễ phép đón bát cơm, mẹ lại nhớ đến lúc hai bố con chơi với nhau. Mẹ nghĩ, Hường không biết rằng ngay trong trò chơi ấy, bố đã dạy con một nết ngoan.

(*Theo* Phong Thu)

Từ ngữ

Xơi: (lời mời lịch sự) ăn, uống.

1. Hai bố con Hường chơi trò chơi gì cùng nhau?
2. Khi chơi, hai bố con xưng hô với nhau như thế nào?
3. Nhìn hai tay Hường đón bát cơm, mẹ nhớ tới điều gì?
4. Khi chơi cùng bố, Hường đã được bố dạy nết ngoan nào?

   a. Biết nấu ăn

   b. Có cử chỉ và lời nói lễ phép

   c. Chăm làm và biết giúp đỡ bố mẹ

1. Những câu nói nào dưới đây thể hiện thái độ lịch sự?

   a. Cho tôi xin bát miến.

   b. Dạ, xin bác bát miến ạ.

   c. Đưa tôi bát miến!

2. Cùng bạn đóng vai nói và đáp lời yêu cầu, đề nghị.

   M:

   – Bác cho tôi một bát phở gà.

   – Xin lỗi, ở đây không có phở gà.

   – Vậy bác cho tôi xin bát miến.

   – Vâng ạ! Bác chờ một chút.

VIẾT

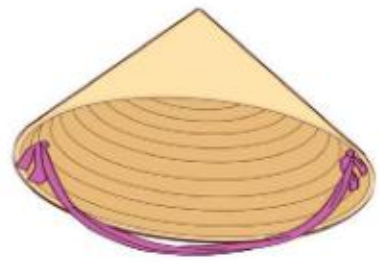
1. Nghe – viết: *Trò chơi của bố* (từ *Đến bữa ăn* đến *một nết ngoan*).
2. Viết vào vở địa chỉ nhà em.

   M: Số nhà 56, đường Đầm Vối, xã Trấn Yên, tỉnh Lào Cai.

3. Chọn a hoặc b.

a. Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *l* hoặc *n* gọi tên sự vật trong từng hình.







b. Chọn *ao* hoặc *au* thay cho ô vuông.

– Hàng c▨ trước cổng c▨ vút.

– Cây bưởi s▨ nhà sai trĩu quả.



LUYỆN TẬP

1. Những từ nào dưới đây chỉ tình cảm của người thân trong gia đình?

chăm sóc | chăm chỉ | quan tâm

yêu thương | kính trọng | vui chơi

2. Tìm từ ngữ bạn nhỏ nói về tính cách của bố mình trong đoạn văn sau:

Khi dạy em học, bố rất kiên nhẫn. Khi chơi cùng em, bố rất vui tính. Mỗi khi em mắc lỗi, bố nghiêm khắc dạy bảo nhưng cũng dễ tha thứ.

3. Chọn *dấu chấm, dấu chấm hỏi* hoặc *dấu chấm than* thay cho ô vuông.

Đặt câu

Bố: – Nam ơi▨ Con hãy đặt một câu có từ "đường" nhé▨

Con: – Bố em đang uống cà phê▨

Bố: – Thế từ "đường" đâu▨

Con: – Dạ, đường có ở trong cốc cà phê rồi ạ.

(Theo *Truyện cười thông minh dí dỏm*)

1. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.

Trong nhà, mẹ là người luôn ở bên tôi. Mỗi khi tôi ốm hay mệt, mẹ thức thâu đêm chăm sóc tôi. Mỗi khi gặp bài học khó, mẹ là người động viên, giúp đỡ tôi. Được ai khen, tôi nghĩ ngay đến mẹ. Tôi biết mẹ sẽ rất vui khi tôi làm được việc tốt. Tôi rất yêu mẹ tôi.

a. Trong đoạn văn trên, bạn nhỏ kể về ai?

b. Những câu nào thể hiện rõ tình cảm của bạn nhỏ đối với người đó?

c. Vì sao người đó được bạn nhỏ yêu quý?

2. Viết 3 – 4 câu thể hiện tình cảm của em đối với người thân.

G:

– Em muốn kể về ai trong gia đình?

– Em có tình cảm thế nào với người đó? Vì sao?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ, câu chuyện về tình cảm gia đình.

2. Chia sẻ với các bạn cảm xúc của em về bài thơ, câu chuyện đó.



Tuần 16

Bài 29

CÁNH CỬA NHỚ BÀ

ĐỌC



Nói về tình cảm của em đối với ông bà.



CÁNH CỬA NHỚ BÀ

Ngày cháu còn thấp bé
Cánh cửa có hai then
Cháu chỉ cài then dưới
Nhờ bà cài then trên

Mỗi năm cháu lớn lên
Bà lưng còng cắm cúi
Cháu cài được then trên
Bà chỉ cài then dưới...

Nay cháu về nhà mới
Bao cánh cửa – ô trời
Mỗi lần tay đẩy cửa
Lại nhớ bà khôn nguôi.

(Đoàn Thị Lam Luyến)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Từ ngữ

Then (cửa): vật bằng tre, gỗ hoặc sắt, dùng để cài cửa.

1. Ngày cháu còn nhỏ, ai thường cài then trên của cánh cửa?
2. Vì sao khi cháu lớn, bà lại là người cài then dưới của cánh cửa?
3. Sắp xếp các bức tranh sau theo thứ tự của 3 khổ thơ trong bài.



4. Câu thơ nào trong bài nói lên tình cảm của cháu đối với bà khi về nhà mới?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

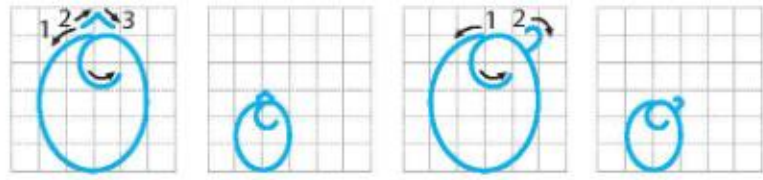
1. Những từ ngữ nào dưới đây chỉ hoạt động?



2. Tìm những từ ngữ chỉ hoạt động có thể kết hợp với từ "cửa".

M: **đẩy** cửa

VIẾT

1. Viết chữ hoa: 

2. Viết ứng dụng: Ông bà sum vầy cùng con cháu.

NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh.

Bà cháu

(*Theo* Trần Hoài Dương)



Cô tiên cho hai anh em cái gì?



Khi bà mất, hai anh em đã làm gì?



Vắng bà, hai anh em cảm thấy thế nào?



Câu chuyện kết thúc thế nào?

2. Nghe kể chuyện.

3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.



Kể cho người thân nghe câu chuyện *Bà cháu*.

Bài 30

THƯƠNG ÔNG

ĐỌC



Kể những việc em làm khiến người thân vui.



THƯƠNG ÔNG

(Trích)



Ông bị đau chân
Nó sưng nó tấy,
Đi phải chống gậy
Khập khiễng, khập khà,
Bước lên thềm nhà
Nhấc chân quá khó.
Thấy ông nhăn nhó,
Việt chơi ngoài sân
Lon ton lại gần,
Âu yếm, nhanh nhảu:
– Ông vịn vai cháu,
Cháu đỡ ông lên.

Ông bước lên thềm
Trong lòng sung sướng,
Quẳng gậy, cúi xuống
Quên cả đớn đau,
Ôm cháu xoa đầu:
– Hoan hô thằng bé!
Bé thế mà khoẻ
Vì nó thương ông.

(Tú Mỡ)

Từ ngữ

- *Tấy*: sưng to, làm cho đau nhức.
- *Khập khiễng, khập khà*: dáng đi bên cao, bên thấp, không đều.
- *Lon ton*: dáng đi hoặc chạy (thường của trẻ em) với những bước ngắn, nhanh.

1. Ông của Việt bị làm sao?

2. Khi thấy ông đau, Việt đã làm gì để giúp ông?

a. Mang gậy đến cho ông.

b. Để ông vịn vào vai mình rồi đỡ ông lên.

c. Lại gần, hỏi thăm sức khoẻ của ông.

3. Theo ông, vì sao Việt tuy bé mà khoẻ?

* Học thuộc lòng một khổ thơ em thích.

1. Từ ngữ nào dưới đây thể hiện dáng vẻ của Việt?

lon ton | nhăn nhó | âu yếm | nhanh nhảu | khập khiễng, khập khà

2. Đọc những câu thơ thể hiện lời khen của ông dành cho Việt.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Thương ông* (2 khổ thơ đầu).

2. Chọn a hoặc b.

a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

Lần đầu tiên học ▢ữ

Bé tung tăng khắp nhà:

– ▢ữ gì như quả ▢ứng gà?

▢ống ▢oai nhanh nhảu đáp là: "O... o!".

(*Theo* Trương Xương)

b. Chọn *ac* hoặc *at* thay cho ô vuông.



múa h▢ | quét r▢ | rửa b▢

cô b▢ | ca nh▢ | ph▢ quả

LUYỆN TẬP

1. Dựa vào tranh, tìm từ ngữ:

a. Chỉ sự vật

b. Chỉ hoạt động



2. Tìm 3 từ ngữ chỉ hoạt động trong đoạn thơ dưới đây:

Mẹ may chiếc áo mới
Lại thêu một bông hoa
Anh cu Phương rất khoái
Khen: Mẹ giỏi hơn ba!

Khi ô tô hỏng máy
Mẹ chẳng sửa được cho
Ba nối dây cót lại
Xe chạy liền ro ro...

(Đặng Hấn)

3. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.



Ông đang làm gì?



Bà đang làm gì?



Bố mẹ đang làm gì?



Bạn nhỏ đang làm gì?

1. Quan sát tranh, nêu việc các bạn nhỏ đã làm cùng người thân.



2. Viết 3 – 5 câu kể về một công việc em đã làm cùng người thân.

G:

- Em đã cùng người thân làm việc gì? Khi nào?
- Em đã cùng người thân làm việc đó như thế nào?
- Em cảm thấy thế nào khi làm việc cùng người thân?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ, câu chuyện về tình cảm của ông bà và cháu.

2. Chia sẻ với các bạn cảm xúc về một khổ thơ em thích, hoặc một sự việc trong câu chuyện mà em thấy thú vị.



Tuần 17

Bài 31 ÁNH SÁNG CỦA YÊU THƯƠNG

ĐỌC



Nếu người thân bị mệt, em có thể làm gì để giúp đỡ, động viên?



ÁNH SÁNG CỦA YÊU THƯƠNG

Hôm ấy, bố vắng nhà, mẹ bị đau bụng dữ dội. Ê-đi-xơn liền chạy đi mời bác sĩ.

Bác sĩ đến khám bệnh và cho biết mẹ của Ê-đi-xơn đau ruột thừa, phải mổ gấp. Nhưng trời cứ tối dần, với ánh đèn dầu tù mù, chẳng thể làm gì được. Ê-đi-xơn lo lắng. Thấy mẹ đau đớn, cậu mếu máo: "Xin bác sĩ cứu mẹ cháu!". Bác sĩ ái ngại nói: "Đủ ánh sáng, bác mới mổ được cháu ạ!".

Thương mẹ, Ê-đi-xơn ôm đầu suy nghĩ. Làm thế nào để cứu mẹ bây giờ? Đột nhiên, cậu trông thấy ánh sáng của ngọn đèn hắt lại từ mảnh sắt tây trên tủ. Nét mặt cậu rạng rỡ hẳn lên. Ê-đi-xơn vội chạy sang nhà hàng xóm, mượn về một tấm gương. Lát sau, đèn nến trong nhà được cậu thắp lên và đặt trước gương. Căn phòng bỗng ngập tràn ánh sáng.

Nhìn căn phòng sáng trưng, bác sĩ rất ngạc nhiên, bắt tay ngay vào việc. Ca mổ thành công, mẹ của Ê-đi-xơn đã được cứu sống.

(Theo *Chuyện kể mẫu giáo,* NXB Giáo dục, 1979)

Từ ngữ

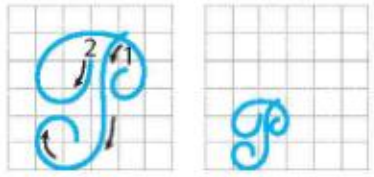
- *Ê-đi-xơn*: nhà bác học người Mỹ, đã phát minh ra đèn điện, ống nghe điện thoại, máy chiếu phim, máy hát và nhiều vật dụng khác.
- *Ái ngại*: thương cảm, có phần lo lắng và không đành lòng trước tình cảnh của người khác.
- *Sắt tây*: sắt dát mỏng có tráng một lớp chống gỉ, sáng bóng.

1. Khi thấy mẹ đau bụng dữ dội, Ê-đi-xơn đã làm gì?
2. Ê-đi-xơn đã làm cách nào để mẹ được phẫu thuật kịp thời?
3. Những việc làm của Ê-đi-xơn cho thấy tình cảm của cậu dành cho mẹ như thế nào?
4. Trong câu chuyện trên, em thích nhân vật nào nhất? Vì sao?

1. Những chi tiết nào cho thấy Ê-đi-xơn rất lo cho sức khoẻ của mẹ?
2. Tìm câu văn trong bài phù hợp với bức tranh sau:



VIẾT

1. Viết chữ hoa: 

2. Viết ứng dụng: Phượng nở đỏ rực một góc trời.

NÓI VÀ NGHE

1. Quan sát các tranh minh hoạ câu chuyện *Ánh sáng của yêu thương*, nói về sự việc trong từng tranh.

Ánh sáng của yêu thương



2. Sắp xếp các tranh theo trình tự của câu chuyện.

3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh vừa sắp xếp.

Kể về cậu bé Ê-đi-xơn trong câu chuyện *Ánh sáng của yêu thương* cho người thân nghe.

Bài 32

CHƠI CHONG CHÓNG

ĐỌC



Em thích chơi trò chơi gì với anh chị em của mình?

1



2



3





CHƠI CHONG CHÓNG

An yêu thích những chiếc chong chóng giấy. Mỗi chiếc chong chóng chỉ có một cái cán nhỏ và dài, một đầu gắn bốn cánh giấy mỏng, xinh như một bông hoa. Nhưng mỗi lần quay, nó mang lại bao nhiêu là tiếng cười và sự háo hức. An thích chạy thật nhanh để những cánh giấy không ngừng quay trong gió. Gió lướt qua cánh chong chóng tạo ra tiếng u u rất lạ.



An thường rủ bé Mai chơi chong chóng và thi xem ai thắng. Hai anh em chạy quanh sân cho chong chóng quay, rồi đột ngột dừng lại. Chong chóng của ai dừng quay trước thì người đó thua. An chạy nhanh hơn nên chong chóng quay lâu hơn. Thua mãi, Mai buồn thiu. An liền cho em giơ chong chóng ra trước quạt máy, còn mình thì phùng má thổi phù phù cho chong chóng quay. Mai cười toe vì thắng. Bây giờ, cũng giống như anh, Mai cũng rất mê những chiếc chong chóng.

(*Theo* Tuệ Nhi)

Từ ngữ

Cười toe: cười với khuôn miệng mở rộng sang hai bên, thể hiện sự vui sướng, thích thú.

1. Tìm chi tiết cho thấy An rất thích chơi chong chóng.
2. Vì sao An luôn thắng khi thi chơi chong chóng cùng bé Mai?
3. An nghĩ ra cách gì để bé Mai vui?
4. Qua câu chuyện, em thấy tình cảm của anh em An và Mai thế nào?

1. Tìm từ ngữ trong bài đọc tả chiếc chong chóng.
2. Nếu em là Mai, em sẽ nói gì với anh An sau khi chơi?

VIẾT

1. Nghe – viết: *Chơi chong chóng* (từ đầu đến *háo hức*).
2. Chọn a hoặc b.

a. Chọn *iu* hoặc *ưu* thay cho ô vuông.

s□ tầm phụng ph□

d□ dàng t□ trường

b. Tìm từ ngữ chỉ sự vật có tiếng chứa *ăt, ăc, ât* hoặc *âc*.









LUYỆN TẬP

1. Tìm từ ngữ về tình cảm gia đình.

M: che chở

2. Những câu nào dưới đây nói về tình cảm anh chị em?

Chị ngã em nâng.

Lá lành đùm lá rách.

Anh thuận em hoà là nhà có phúc.

Anh em như thể chân tay
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

3. Cần đặt *dấu phẩy* vào vị trí nào trong các đoạn văn sau?

a. Sóc anh sóc em kiếm được rất nhiều hạt dẻ. Hai anh em để dành hạt lớn cho bố mẹ. Hạt vừa hạt nhỏ để hai anh em ăn.

b. Chị tớ luôn quan tâm chăm sóc tớ. Chị thường hướng dẫn tớ làm bài tập chơi với tớ cùng tớ làm việc nhà. Tớ yêu chị lắm!

1. Quan sát tranh, đọc tin nhắn của sóc con và trả lời câu hỏi.



a. Sóc con nhắn tin cho ai?

b. Sóc nhắn điều gì cho mẹ?

c. Vì sao sóc phải nhắn tin?

2. Viết tin nhắn cho người thân.

Ông qua nhà đưa em đi mua sách. Lúc đó, bố mẹ đi vắng. Em hãy viết tin nhắn cho bố mẹ yên tâm.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ, câu chuyện kể về sinh hoạt chung của gia đình (nấu ăn, thăm họ hàng, đi du lịch,...). Khi đọc, chú ý những điều sau:

– Câu chuyện, bài thơ nói về sinh hoạt chung nào của gia đình?

– Chia sẻ về một hoạt động em thích.



2. Kể lại câu chuyện hoặc đọc một đoạn thơ cho các bạn nghe. Chia sẻ điều em thấy thú vị nhất trong câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 18

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1

PHẦN I – ÔN TẬP

Tiết 1 – 2

1. Nhìn tranh, nói tên các bài đã học.











a. Gọi bạn
b. Tớ nhớ cậu
c. Chữ A và những người bạn
d. Nhím nâu kết bạn
e. Thả diều
g. Sự tích hoa tỉ muội
h. Cánh cửa nhớ bà
i. Thương ông







2. Dựa vào các tranh vẽ ở bài tập 1, tìm từ ngữ chỉ sự vật theo mẫu dưới đây:

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ người	M: – bà – Nết
	Từ ngữ chỉ vật	M: – nhím nâu – cây cau – cánh cửa – dòng suối

3. Đọc lại một bài đọc em thích, nêu chi tiết, nhân vật hoặc hình ảnh trong bài khiến em nhớ nhất.



Tiết 3 – 4

4. Đọc lời của chim hải âu và trả lời câu hỏi.



– Theo em, chim hải âu nói những câu trên với ai, trong tình huống nào?

– Đóng vai một loài chim khác, đáp lời hải âu.

5. Thực hành luyện nói theo tình huống.

a. Tình huống 1: Nếu em chuyển lớp hoặc chuyển trường, em sẽ giới thiệu về mình như thế nào với các bạn trong lớp mới?



b. Tình huống 2: Lớp em có một bạn ở trường khác chuyển đến. Em sẽ nói gì với bạn để thể hiện sự thân thiện?

Tiết 5 – 6

6. Dựa vào tranh, tìm từ ngữ:

a. Chỉ người, chỉ vật

b. Chỉ hoạt động





7. Nói 2 – 3 câu về một nhân vật trong tranh ở mục 6.

G:

– Người đó là ai?

– Người đó đang làm gì?

– Em có nhận xét gì về cử chỉ, hành động,... của người đó?

8. Chọn *dấu chấm*, *dấu chấm hỏi* hoặc *dấu chấm than* thay cho ô vuông.

Chị: – Em đang viết gì đấy□

Em: – Em đang viết thư cho em□

Chị: – Hay đấy□ Trong thư nói gì□

Em: – Ngày mai, nhận được thư em mới biết□

(Theo *Tiếng cười học trò*)

Tiết 7 – 8

9. Nghe – viết:

Niềm vui là gì?

Gấu hỏi sóc:

– Sóc ơi, niềm vui là gì?

– Niềm vui là được nằm trong vòng tay mẹ đếm sao trời. – Sóc trả lời gấu.

Thấy kiến đi qua, gấu hỏi:

– Bạn kiến ơi, niềm vui là gì?

– Niềm vui là trời tạnh ráo, chúng tớ không phải chuyển nhà.

(Theo *Truyện hay cho bé*)

10. Tìm tiếng chứa *iên* hoặc *yên* thay cho ô vuông.



// rộng mênh mông.



Xóm làng bình //.

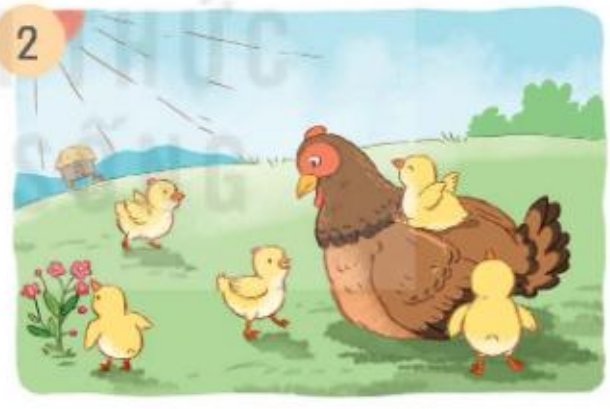


// núi có ruộng bậc thang.

11. Nói tiếp câu kể lại sự việc trong tranh.



Sáng tinh mơ, gà mẹ (...).



Gà mẹ cho đàn con (...).



Gà mẹ dẫn con đi (...).



Buổi trưa, gà mẹ và đàn con (...).

PHẦN II – ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1

(Đề tham khảo)

A. ĐỌC

1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

ĐÀN MƯA CON

Đám mây đen trĩu nặng
Cúi mình xuống thấp dần
Cho đến khi rạn vỡ
Sinh ra triệu đứa con.

Đàn mưa con bé tí
Trong trẻo như giọt sương
Vừa mới rời xa mẹ
Đã can đảm xuống đường.

Giọt đậu vào cành khế
Giọt thấm xuống cánh đồng
Giọt bay trên mái phố
Nhảy dù xuống dòng sông.

Sau nhiều ngày trôi nổi
Đi du lịch khắp nơi
Chúng gặp nhau ở biển
Làm sóng trắng trùng khơi.

(Phi Tuyết Ba)

a. Trong bài thơ, những giọt mưa được gọi là gì?

b. Giọt mưa rơi xuống những đâu?

2. Đọc hiểu

CỎ VÀ LÚA

Ngày xưa, cỏ và lúa là hai chị em ruột, dáng dấp giống hệt nhau. Khi lớn lên, mẹ cho cỏ và lúa ở riêng, mỗi người một cánh đồng.

Lúa chăm chỉ hứng nắng, đón gió, tích luỹ chất màu từ đất, làm ra những hạt thóc vàng. Còn cỏ, chỉ mải đùa nghịch với những giọt sương long lanh đọng trên lá. Dần dần, cỏ ốm o gầy còm, chẳng làm ra sản phẩm gì có ích.

Một hôm, lúa mời cỏ và bạn bè tới chơi. Sau khi ăn uống đủ đầy, cỏ lăn ra ngủ. Thấy nhà của chị lúa sáng sủa, mát mẻ, cỏ xin ở lại. Lúa vốn hiền lành và thương em, nên đã đồng ý. Từ đấy, cỏ sống chung với lúa. Cỏ còn dựa dẫm vào những người láng giềng như ngô, khoai, sắn,...

Cho đến bây giờ, tính tình cỏ vẫn không thay đổi. Chẳng ai ưa cái tính lười nhác của cỏ.

(*Theo* Nguyên Anh)

Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

a. Trong câu chuyện, lúa và cỏ có mối quan hệ như thế nào?

- ☐ Là bạn của nhau
- ☐ Là hai chị em ruột
- ☐ Là láng giềng của nhau

b. Sau một thời gian ra ở riêng, cỏ và lúa khác nhau như thế nào?

cỏ	làm ra những hạt thóc vàng
lúa	ốm o gầy còm, chẳng làm ra sản phẩm gì
	sống dựa dẫm vào ngô, khoai, sắn,...

c. Vì sao lúa làm ra được sản phẩm có ích?

- ☐ Vì lúa chăm chỉ
- ☐ Vì lúa hiền lành
- ☐ Vì lúa ở nơi sáng sủa

d. Vì sao cỏ không được ai ưa thích?

e. Chọn *dấu chấm, dấu chấm hỏi* hoặc *dấu chấm than* thay cho ô vuông.

Cỏ: – Chị lúa ơi, chị cho em ở lại nhà chị được không☐

Lúa: – Ừ, em ở lại đây, chị em mình sẽ cùng nhau làm việc☐

Cỏ: – Cảm ơn chị nhé☐



B. VIẾT

1. Nghe – viết: *Cỏ và lúa* (từ *Lúa chăm chỉ* đến *có ích*).

2. Viết 3 – 4 câu kể về một việc làm tốt của em ở nhà hoặc ở trường.

G:

- Việc tốt em đã làm là việc gì?
- Em làm việc đó ở đâu, khi nào?
- Em có suy nghĩ, cảm xúc gì sau khi làm việc đó?

Một số thuật ngữ dùng trong sách

Thuật ngữ	Trang
B	
bài thơ	16
bảng chữ cái	14
C	
câu	12
câu chuyện	16
câu thơ	16
chữ cái	14
chữ hoa	12
D	
dấu câu	84
dấu chấm	61
dấu chấm hỏi	61
dấu chấm than	121
dòng thơ	59
Đ	
đoạn văn	115
K	
khổ thơ	14
N	
ngoặc đơn	68
nhân vật	26
T	
tiếng	52
từ	11
từ ngữ	14
V	
vần	59

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài

	Trang
Ê-đi-xơn (Edison)	130
Tốt-tô-chan (Totto-chan)	28
Tun Te-le-gơn (Toon Tellegen)	82

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: PHẠM KIM CHUNG – NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Biên tập tái bản: LÊ THUÝ PHƯƠNG
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: PHAN THỊ THU HƯƠNG – THÁI THANH VÂN
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: LÊ MẠNH CƯỜNG – BÙI VIỆT DUY – NGUYỄN MAI HƯƠNG
NGUYỄN THẾ PHI – NGUYỄN HỒNG QUÂN
NGUYỄN THỊ NGỌC THUỶ – NGUYỄN THỊ THANH VÂN
Sửa bản in: PHẠM THỊ TÌNH – PHAN THỊ THANH BÌNH
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2021) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG VIỆT 2 – TẬP MỘT
Mã số: G1HH2V001h26
In ..... bản, (QĐ.....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/16-09/GD
Số QĐXB: .../..... ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-25143-5
Tập hai: 978-604-0-25144-2



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 2, tập một
2. Tiếng Việt 2, tập hai
3. Toán 2, tập một
4. Toán 2, tập hai
5. Tự nhiên và Xã hội 2
6. Đạo đức 2
7. Âm nhạc 2
8. Mĩ thuật 2
9. Hoạt động trải nghiệm 2
10. Giáo dục thể chất 2
11. Tiếng Anh 2

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-25143-5

9 786040 251435

Giá: 18.600 đ